



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2017



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	04
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	18
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	28
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	36
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	46
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	50
QUẢN TRỊ CÔNG TY	58
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	66

A photograph of a high-voltage electrical substation. The scene is dominated by several tall, grey metal lattice towers. Each tower supports a large, vertical insulator string, which is a series of dark, cylindrical ceramic or porcelain discs. At the top of each insulator string is a silver-colored metal cap. A complex network of power lines and cables is visible, connecting the towers and extending across the frame. The background shows a clear blue sky with some light clouds. In the lower-left corner, there is a white rounded rectangular box containing text.

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

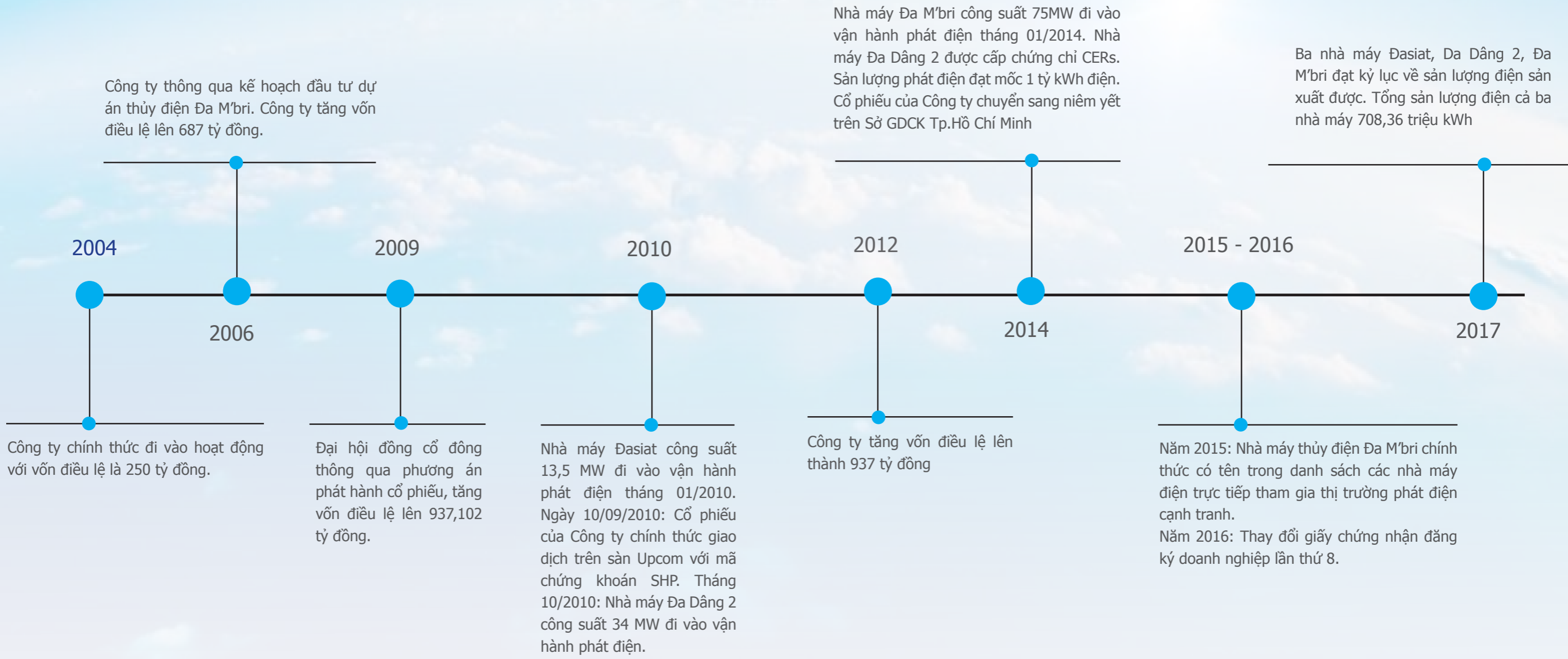
THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
Giấy CN ĐKDN	:	0303416670 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/08/2016 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp
Vốn điều lệ đăng ký	:	937.102.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	937.102.000.000 đồng
Địa chỉ	:	P.106 lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	:	(028) 3820 7795
Số fax	:	(028) 3820 7794
Website	:	www.shp.vn
Mã cổ phiếu	:	SHP

QUÁ TRÌNH

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam

- Địa chỉ: P.106 lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1 Tp.HCM
- Điện thoại: (028) 3820 7795 Fax: (028) 3820 7794
- Vốn điều lệ: 937.102.000.000 VNĐ

Chi nhánh Lâm Đồng

- Địa chỉ: 51A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 2, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng, Việt Nam
- Điện thoại: (0263) 3711 171 Fax: (0263) 3720 177

Nhà máy thủy điện Đa Siat

- Vị trí: tại thôn 3 thị xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
- Công suất: 13,5MW

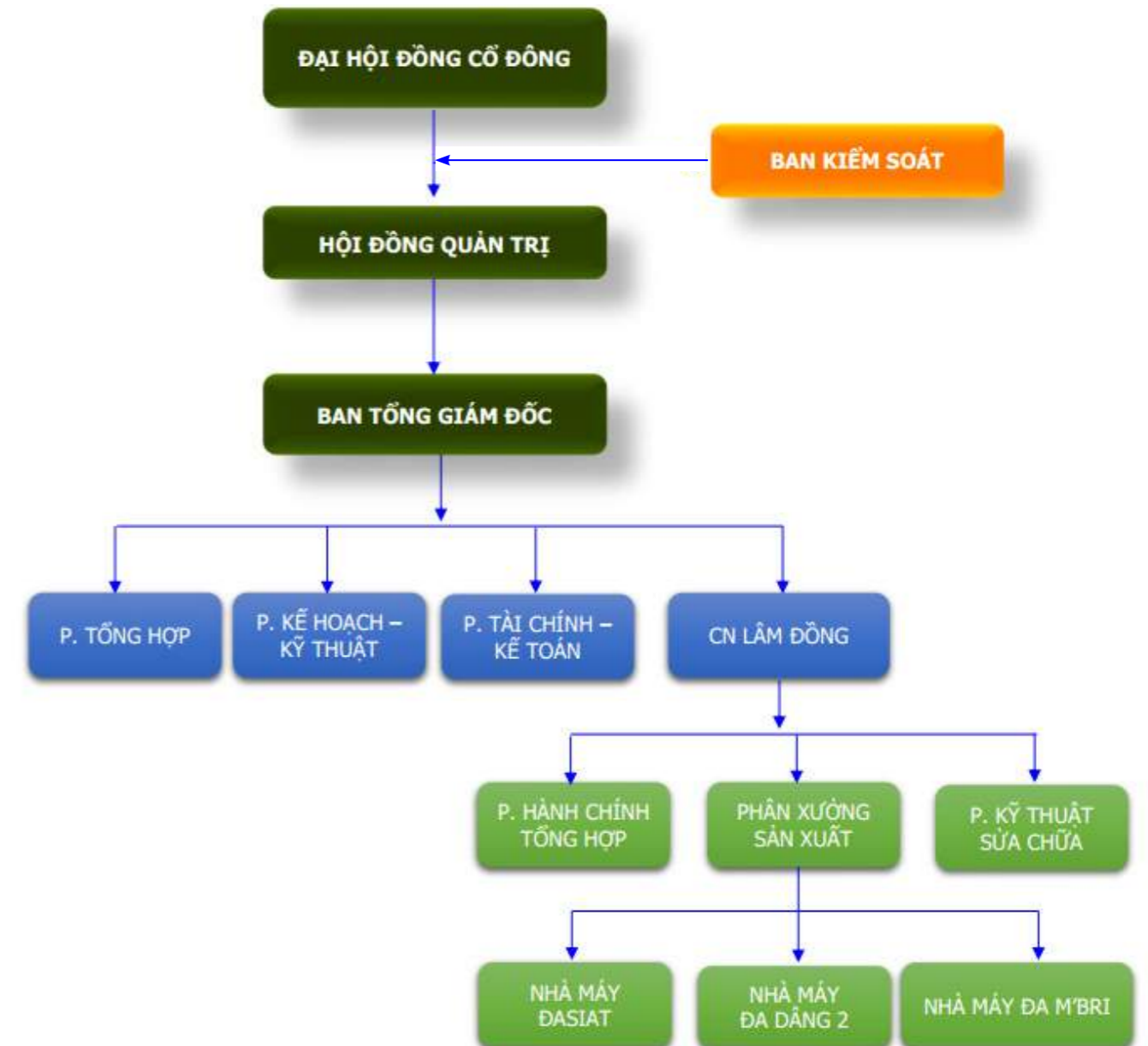
Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2

- Vị trí: tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
- Công suất: 34MW

Nhà máy thủy điện Đa M'bri

- Vị trí: nằm trên địa bàn xã Lộc Tân – huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc – huyện Đạ Huoai và xã Triệu Hải – huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng
- Công suất: 75MW

Cơ cấu bộ máy quản lý



NGÀNH NGHỀ

VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Kiểm định thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đào tạo nghề;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam có 3 nhà máy điện đang hoạt động thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng, khí hậu nơi đây được chia thành 2 mùa riêng biệt là mùa mưa (từ tháng 5 tới tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 4). Khu vực này lượng mưa cao và tương đối ổn định. Cả 3 nhà máy đều nằm gần thượng nguồn các dòng sông/suối, nơi cung cấp nguồn nước lớn cho nhà máy hoạt động.

Đa Siat

Công trình Thủy điện Đa Siat được xây dựng trên dòng chính suối Đa Siat, một nhánh bờ trái sông Đồng Nai. Công trình được khởi công xây dựng từ tháng 6 năm 2005, địa điểm công trình tại thôn 3 thị xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, có công suất lắp đặt 13,5MW, sản lượng điện bình quân hàng năm đạt khoảng 60 triệu kWh/năm, tổng mức vốn đầu tư sau quyết toán là 339 tỷ đồng.



Đa Dâng 2

Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2 được xây dựng trên sông Đa Dâng, là nhánh chính ở thượng nguồn bờ phải sông Đồng Nai thuộc địa bàn xã Tân Thành được khởi công xây dựng từ đầu năm 2008 với vốn đầu tư sau quyết toán là 498 tỷ đồng; công suất lắp máy 34 MW đấu nối vào lưới điện Quốc gia bằng đường dây 110KV, sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 152 triệu kWh. Nhà máy có đập dâng đặt tại vị trí cách cửa sông khoảng 4 km theo đường sông. Kênh dẫn nước đến nhà máy thủy điện đặt ở bờ trái sông Đa Dâng tại khu vực ngã ba cửa sông và đổ vào cột mốc 0 sông Đồng Nai.



Đa M'brì

Nhà máy Thủy điện Đa M'brì được xây dựng trên dòng chính suối Đa M'brì nằm trên địa bàn của 3 xã là xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm, xã Phước Lộc - huyện Đạ Huoai và xã Triệu Hải - huyện Đạ Tẻh tỉnh Lâm Đồng. Đây là nhà máy thủy điện có hồ chứa điều tiết theo năm, đấu nối vào lưới điện Quốc gia bằng đường dây mạch kép 110 KV, công suất 75 MW với sản lượng 338,2 triệu kWh/năm, tổng mức vốn đầu tư sau quyết toán là 2.418 tỷ đồng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

01

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tìm kiếm tham gia hoặc chuyển giao đầu tư một số dự án thủy điện vừa và nhỏ. Đầu tư nguồn năng lượng sạch khác như năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

02

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY NĂM 2018

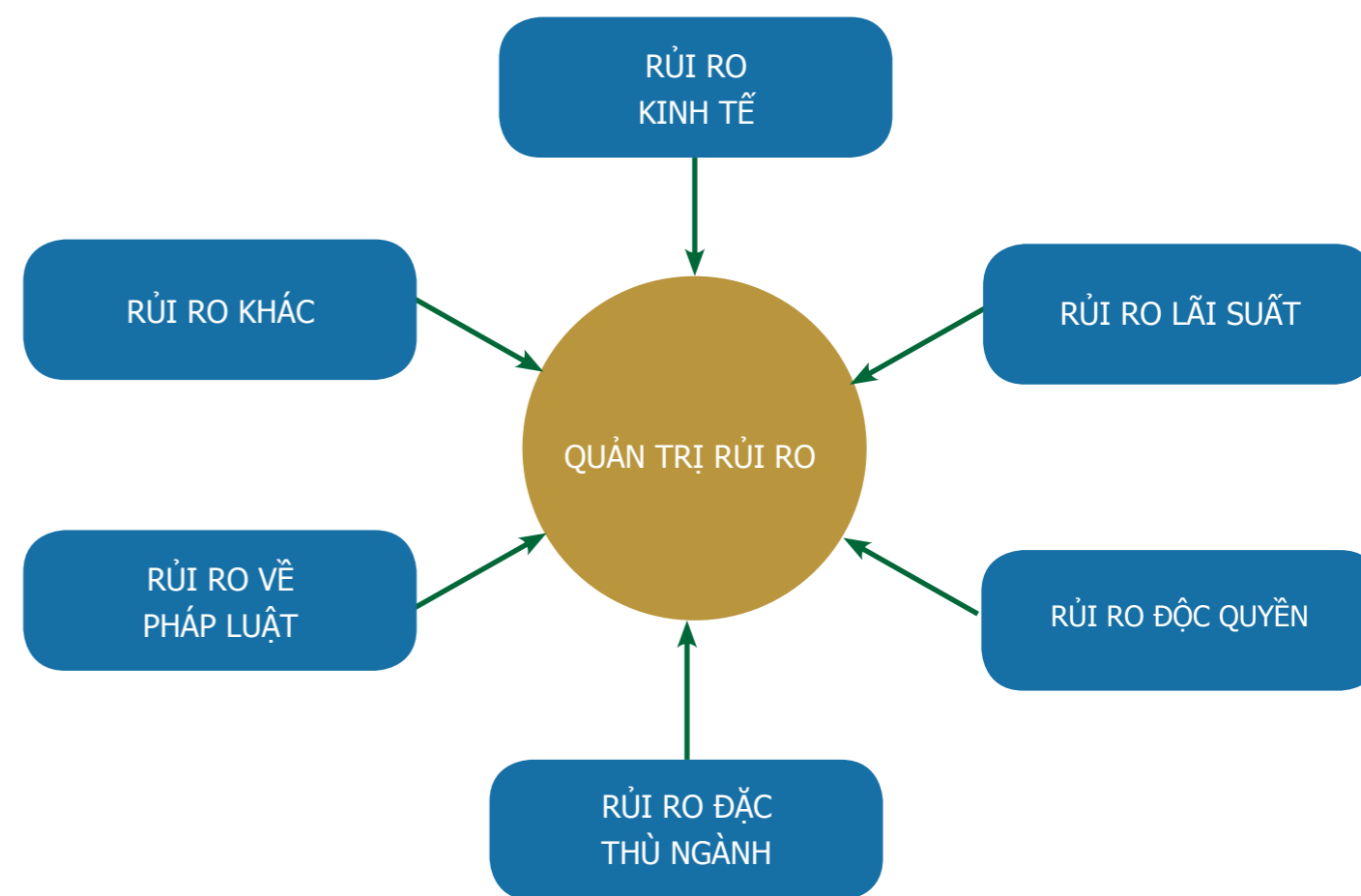
- Phát triển SHP thành một nhà đầu tư trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo tại Việt Nam với trọng tâm đầu tư nguồn năng lượng thủy điện, gió, mặt trời nhằm thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cung cấp năng lượng đi kèm với gìn giữ, bảo vệ môi trường.
- Góp phần đáp ứng nhu cầu về điện cho sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và khu vực miền Nam nói riêng.
- Tăng cường công tác nghiên cứu, đầu tư cho khoa học – công nghệ, nhân lực chất lượng cao nhằm tạo ra nguồn năng lượng ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- Tạo lập một môi trường làm việc thân thiện, thoải mái và chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cho mục tiêu chung của Công ty.
- Tiếp tục vận hành hiệu quả các nhà máy Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'brì. Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Hạn chế xảy ra sự cố trong mùa mưa và tận dụng lượng nước về để sản xuất điện.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

03

- Tích cực tham gia trồng rừng, tái tạo lại đất, thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường trong lưu trữ và xử lý chất thải tại khu vực nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2 và Đa M'brì theo quy định của Chính Phủ và hướng dẫn của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Thường xuyên tham gia các hoạt động khuyến học, hỗ trợ các hộ gia đình nghèo, khó khăn, đặc biệt các hộ đồng bào dân tộc tại các huyện, các xã thuộc vùng sâu, vùng xa còn khó khăn như Đạ Huoai, Bảo Lâm, Lộc Tân, Đa M'brì,...

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



RỦI RO VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,4% so với năm 2016, trong đó cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,7%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế đều tác động đến nhu cầu sử dụng năng lượng. Theo tính toán của EVN, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng từ 7,5% - 8% và thực hiện mục tiêu Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp thì nhu cầu sử dụng điện là rất lớn. Do đó, rủi ro về kinh tế sẽ không tác động nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian sắp tới.

RỦI RO ĐẶC THU NGÀNH

Rủi ro về điều kiện thời tiết

Những biến đổi về tình hình thời tiết, khí hậu có ảnh hưởng rất lớn đến những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng phát điện và hiệu quả hoạt động của nhà máy phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước chảy vào các hồ chứa. Trong trường hợp hạn hán kéo dài dẫn đến lượng mưa giảm làm cho lưu lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, điều đó đã ảnh hưởng tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy bị giảm sút. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và gia tăng chi phí sửa chữa.

Đối với SHP, Quý 1 là thời gian cao điểm mùa khô nên sản lượng thường thấp nhất năm. Trong khi quý 3 là quý đóng góp sản lượng điện cả năm do mùa mưa ở khu vực tỉnh Lâm Đồng bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc trong khoảng tháng 11. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động khá lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Với tình hình thời tiết thay đổi bất thường như ở Việt Nam, Công ty thường xuyên cập nhật những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng nhằm đảm bảo sản lượng sản xuất trong trường hợp xấu nhất và hạn chế tối đa những chi phí phát sinh. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, phương án bảo vệ an toàn đập, phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi có hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Rủi ro về an toàn lao động

Trong lĩnh vực quản lý vận hành nhà máy thủy điện, an toàn lao động là yếu tố đặc biệt được quan tâm. Để hạn chế các rủi ro này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cũng như các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc. Thực hiện xây dựng và tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật, huấn luyện kiểm tra sát hạch an toàn, biện pháp, kỹ thuật, tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành. Có hệ thống đảm bảo ngăn ngừa sự cố hoặc tai nạn xảy ra.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đất đai, các quy định về môi trường và các văn bản luật liên quan khác. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư cũng như được ưu đãi về thuế nếu có hoạt động tại các địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

RỦI RO ĐỘC QUYỀN

Cũng như các doanh nghiệp ngành điện khác, SHP chịu sự ràng buộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Hầu như EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành, do đó các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều bất cập trong việc phát triển như:

- Chưa có cơ chế giá bán điện cho từng loại nhà máy dẫn đến việc đàm phán, ký kết các hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN gặp nhiều khó khăn, thường kéo dài qua nhiều khâu.
- Giá bán điện phụ thuộc vào tình hình tiêu thụ điện của hộ sử dụng điện, do đó xuất hiện nguy cơ giá bán điện thấp hơn mức mong đợi khi năng lực sản xuất điện cao hơn phụ tải tiêu thụ.
- Việc độc quyền của EVN ít nhiều gây hạn chế trong việc thu hút vốn đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài và ngành điện, do đó gây ảnh hưởng cho việc phát triển ngành điện, vốn yêu cầu chi phí đầu tư rất lớn.
- Ngoài ra việc Công ty được Trung tâm điều độ xếp lịch phát điện vào giờ cao điểm, thấp điểm hay giờ bình thường quyết định giá bán điện cao hay thấp, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

RỦI RO LÃI SUẤT

Công ty ít chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro nêu trên trong quá trình hoạt động Công ty còn đối mặt với những rủi ro mang tính khách quan khác như: rủi ro hỏa hoạn, bão lụt... mà hậu quả sẽ gây ra thiệt hại lớn đến hiệu quả kinh doanh của SHP.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH

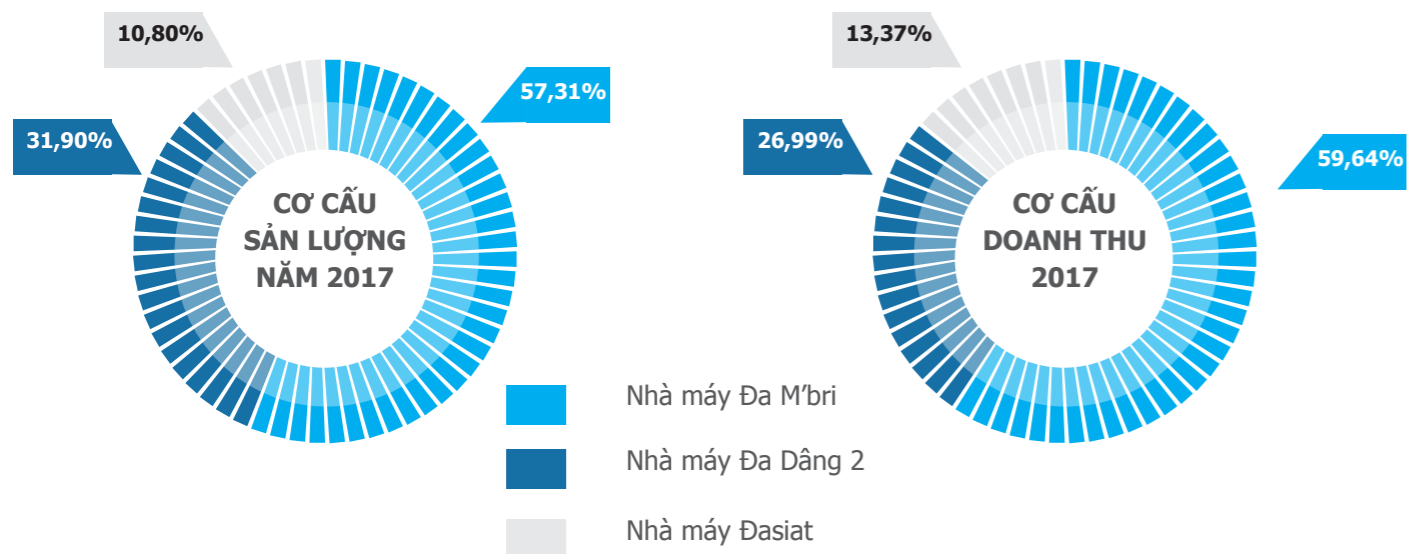
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Sản lượng điện sản xuất

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	KH 2017	TH 2017/2016	TH/KH 2017
1	Đasiat	Triệu kWh	64,00	76,47	65,60	119,48%	116,57%
2	Đa Dâng 2	Triệu kWh	154,28	225,94	178,00	146,45%	126,93%
3	Đa M'bri	Triệu kWh	339,55	405,95	353,00	119,56%	115,00%
Tổng cộng		Triệu kWh	557,83	708,36	596,60	126,98%	118,73%

Doanh thu thực hiện 3 nhà máy

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	KH 2017	TH 2017/2016	TH/KH 2017
1	Đasiat	Tỷ đồng	68,20	82,45	73,00	120,89%	112,95%
2	Đa Dâng 2	Tỷ đồng	115,60	166,53	135,50	144,06%	122,90%
3	Đa M'bri	Tỷ đồng	329,10	367,95	364,00	111,80%	101,09%
Tổng cộng		Tỷ đồng	513,00	616,93	572,50	121,50%	108,87%



Hoạt động sản xuất tại các nhà máy:

Bước vào năm 2017, tình hình thủy văn thuận lợi từ những đợt mưa bão muộn cuối năm 2016, mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn (từ tháng 05-11/2017), lưu lượng nước về hồ chứa các nhà máy đều cao hơn so với số liệu thiết kế, cả 3 nhà máy đều vượt kế hoạch đề ra.

Nhà máy Đasiat:

Sản lượng điện thực hiện 76,47 triệu kWh tăng 19,48% so với cùng kỳ năm 2016, bằng 116,57% kế hoạch 2017. Doanh thu thực hiện 82,45 tỷ đồng tăng 20,89% so với cùng kỳ năm 2016, bằng 112,95% kế hoạch 2017.

Nhà máy Đa Dâng 2:

Sản lượng điện thực hiện 225,94 triệu kWh tăng 46,45% so với cùng kỳ năm 2016, bằng 126,93% kế hoạch. Doanh thu thực hiện 166,53 tỷ đồng tăng 44,06% so với cùng kỳ năm 2016, bằng 122,90% kế hoạch.

Nhà máy Đa M'Bri:

Sản lượng điện thực hiện 405,95 triệu kWh tăng 19,56% so với cùng kỳ năm 2016, bằng 115,00% kế hoạch. Doanh thu thực hiện 367,95 tỷ đồng tăng 11,80% so với cùng kỳ năm 2016, bằng 101,09% kế hoạch.

Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017
1	Chi phí vật liệu, công cụ	Triệu đồng	4.72	3.46
2	Chi phí nhân công	Triệu đồng	38.83	42.51
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng	180.52	187.25
4	Chi phí thuế tài nguyên	Triệu đồng	43.33	57.65
5	Phí dịch vụ môi trường rừng	Triệu đồng	11.16	14.82
6	Chi phí khác	Triệu đồng	18.03	22.17
7	Tổng chi phí sản xuất	Triệu đồng	296.59	327.86

Chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty là chi phí khấu hao tài sản cố định, chiếm khoảng 50%-60% tổng chi phí, do ngành thủy điện là ngành có yêu cầu cao về thiết bị sản xuất và nhà xưởng, đặc biệt là các chi phí xây dựng cơ bản.

Khoản chi phí lớn thứ hai trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty là chi phí thuế tài nguyên. Khoản chi này tương đương 14,61% trong năm 2016 và 17,58% trong năm 2017.

Chi phí nhân công cũng chiếm tỷ trọng tương đối cao trong cơ cấu chi phí của SHP, tương ứng khoảng 12,97% tổng chi phí trong năm 2017.

(Theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 3 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat và công trình nhà máy thủy điện ĐamBri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 22 tháng 9 năm 2006 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 21 tháng 9 năm 2024. Tổng số tiền được miễn là 7.108.898.126 đồng).

Kết quả kinh doanh của Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	TH 2017	KH2017	TH 2017/2016	TH/KH 2017
1	Sản lượng	Triệu kWh	557,83	708,36	596,60	126,98%	118,73%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	512.97	616.96	573.00	120,27%	107,67%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	102.15	191.66	154.59	187,62%	123,98%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	98.06	185.25	150.00	188,91%	123,50%

Tổng sản lượng phát điện năm 2017 là 708,36 triệu kWh tăng 26,98% so với cùng kỳ năm 2016, vượt 18,73% kế hoạch năm 2017.

Doanh thu thuần năm 2017 là 616,96 tỷ đồng tăng 20,27% so với năm 2016 và vượt 7,67% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 191,66 tỷ đồng, tương đương 187,62% so với cùng kỳ năm trước và bằng 123,98% kế hoạch năm 2017.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 185,25 tỷ đồng, tương đương 188,91% so với cùng kỳ năm 2016 và bằng 123,50% kế hoạch năm 2017.

Kết quả kinh doanh của công ty năm 2017 dựa trên kết quả sản xuất tổng hợp của 03 nhà máy mà SHP đang quản lý. Nhìn chung, do điều kiện thời tiết thuận lợi, tình hình sản xuất điện tại 3 nhà máy đạt công suất tối đa nên các chỉ tiêu về sản lượng và lợi nhuận đều có sự tăng trưởng mạnh so với năm trước và hoàn thành xuất sắc kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.



Công tác sửa chữa, đầu tư, trung đại tu các nhà máy:

Công tác nâng cấp đường giao thông Đasiat, Đam'بری:

- Công ty đã thực hiện đấu thầu gói thầu Nâng cấp đường giao thông nhà máy Đasiat, Đam'بری (giai đoạn 2017-2018) và đang triển khai thi công.
- Kết thúc năm 2017 nhà thầu đã hoàn thành hạng mục đường bê tông và thi công một phần đường nhựa thấm nhập: giá trị thực hiện phần nhà máy Đasiat 2,46 tỷ đồng, nhà máy Đam'بری 6,8 tỷ đồng.
- Gói thầu dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 04/2018 trước thời hạn hợp đồng 02 tháng.

Công tác trung đại tu các nhà máy:

- Định kỳ theo kế hoạch Công ty đã thực hiện công tác trung đại tu thiết bị các tổ máy:
- Nhà máy Đasiat: Đã hoàn tất công tác đại tu tổ máy H1 và sơn đường ống áp lực trong tháng 01/2017.
- Nhà máy Đa Dâng 2: Đã hoàn tất công tác đại tu tổ máy H1, thay bánh xe công tác tổ máy H1 trong tháng 02/2017, tổ máy H2 trong tháng 03/2017. Kết quả bánh xe công tác mới giúp nhà máy có công suất tăng thêm 1,5MW đạt công suất theo yêu cầu của hợp đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.646	2.473	(6,52%)
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	512,97	616,96	20,27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	101,61	192,43	89,39%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,54	(0,77)	-
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	102,15	191,66	87,62%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	98,06	185,25	88,91%
EPS	Đồng	994	1.878	88,93%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2016	2017
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,74	1,01
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,69	1,00
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	55,50	50,79
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	124,73	103,20
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	32,28	40,68
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	0,19	0,24
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	19,12	30,03
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	8,33	15,47
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	3,71	7,24
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	19,81	31,19

Khả năng thanh toán

Với điều kiện thủy văn thuận lợi, SHP có một năm đại thành công về mặt hoạt động kinh doanh. Ở thời điểm hiện tại, các nhà máy của SHP đều hoạt động ổn định, và tối đa công suất mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất điện của Công ty. Do đó, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2017 đều có sự gia tăng so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,74 lần lên 1,01 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng mạnh từ 0,69 lần lên 1,00 lần. Nguyên nhân là trong năm tài sản ngắn hạn tăng 21,14% trong đó chủ yếu là khoản mục tiền và tương đương tiền tăng mạnh lên 130,63 tỷ đồng. Trong khi nợ ngắn hạn có sự sụt giảm 11,26% so với cùng kì năm trước.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tổng nợ phải trả của SHP tại thời điểm 31/12/2017 là 1.256 tỷ đồng giảm 14,47% so với cùng kì năm 2016. Trong đó, nợ vay dài hạn của SHP đã giảm từ 1.199,7 tỷ đồng xuống còn 1.017 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0238/HĐTD-VIB601/15 ngày 15 tháng 6 năm 2015 đã được Công ty tất toán vào ngày 15/08/2017.

Trong những năm trước, cơ cấu nguồn vốn có xu hướng tăng nợ vay để đầu tư cho dự án Đa M'brì. Tuy nhiên trong khoảng 5 năm gần đây, nhà máy Đa M'brì và 2 nhà máy còn lại đã đi vào hoạt động ổn định và hiệu quả do đó tỷ trọng nợ phải trả trên tổng tài sản có xu hướng giảm. Tại thời điểm 31/12/2017 nợ phải trả chiếm 50,79% tổng tài sản, giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Vốn chủ sở hữu của SHP trong năm 2017 đạt 1.217 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,38% so với năm 2016, trong đó vốn điều lệ là 937,10 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng trưởng vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2014 – 2017 là 3,2%/năm.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

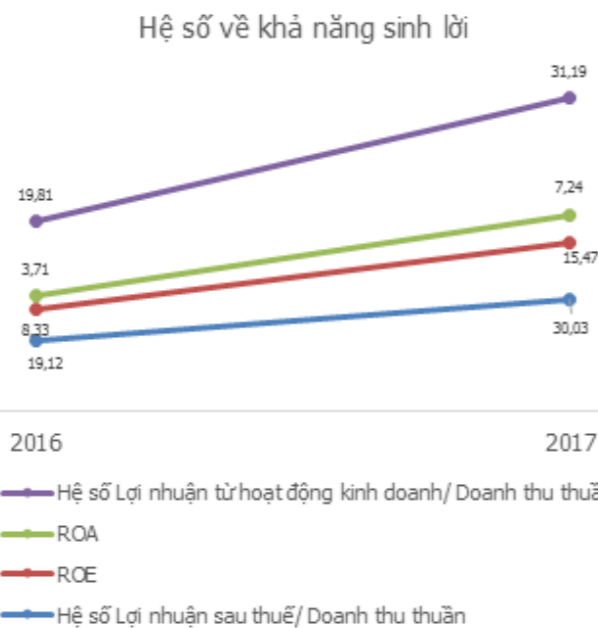
Tài sản cố định hữu hình chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản

Đây là đặc trưng của các doanh nghiệp thủy điện nói chung, tỷ trọng tài sản cố định dài hạn trong cơ cấu tài sản của SHP tương đối lớn (khoảng 89,55% so với tổng tài sản). Trong năm 2017, do 3 nhà máy của Công ty đều hoạt động ổn định nên chỉ số doanh thu thuần/tổng tài sản có sự cải thiện đáng kể so với cùng kì năm trước, cụ thể tăng 0,19 lên 0,24 lần. Bên cạnh đó, vòng quay hàng tồn kho cũng có sự gia tăng khi tăng từ 32,28 vòng lên thành 40,68 vòng trong năm 2017.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các hệ số về hiệu quả hoạt động kinh doanh của SHP đều đạt mức khá cao, các chỉ số ROA, ROE có xu hướng tăng dần, đặc biệt năm qua 2 hệ số này tăng gấp đôi so với cùng kì năm trước đạt lần lượt 7,24% và 15,47% do tình hình hoạt động kinh doanh của SHP đạt kết quả rất tích cực. Biên lợi nhuận sau thuế duy trì được tỷ suất cao trong giai đoạn 5 năm gần đây, riêng năm 2017 tăng lên đến 30,03%.

Đây là đặc điểm chung của những doanh nghiệp thủy điện, khi chi phí phát sinh sẽ cao ở những năm đầu hoạt động do những khoản đầu tư vào các nhà máy. Tuy nhiên những năm tiếp theo, khi chi phí khấu hao và chi phí lãi vay giảm dần, trong khi sản lượng phát điện cao và ổn định sẽ giúp các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty tăng dần. Kết hợp với những thuận lợi từ thời tiết, năm 2017 được xem như một năm đại thành công với SHP khi tất cả các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty đều tăng đột biến.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2017

Cổ phần

Vốn điều lệ: 937.102.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 93.710.200 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông: 93.710.200 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 93.710.200 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	3.412	89.927.130	95,96%
a	Tổ Chức	25	71.021.617	75,79%
+	Cổ đông lớn	2	55.799.848	59,55%
+	Cổ đông khác	23	15.221.769	16,24%
b	Cá nhân	3.387	18.905.513	20,17%
2	Cổ đông nước ngoài	20	3.783.070	4,04%
a	Tổ chức	3	3.679.930	3,93%
b	Cá nhân	17	103.140	0,11%
Tổng cộng		3.432	93.710.200	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

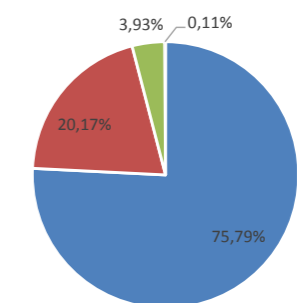
Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có



■ Tổ Chức trong nước
 ■ Cá nhân trong nước
 ■ Tổ Chức ngoài nước
 ■ Cá nhân ngoài nước



PHẦN III

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Ông Lê Xuân Hải	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT

Ông Đoàn Đức Hưng

Năm sinh : 15/03/1968

Địa chỉ thường trú : Số 505 Huỳnh Châu Sổ, phường 6, Tp. Tân An, tỉnh Long An

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện, Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác

1991 - 1994 : Cán bộ kỹ thuật chi nhánh Điện Bến Lức, Sở điện lực Long An

1995 - 1997 : Trưởng phòng HC-TC-LĐ Điện lực Tỉnh Long An

1998 - 2013 : Phó Giám Đốc kỹ thuật Công ty Điện lực Tỉnh Long An

2014 - nay : Phó Giám Đốc Kinh doanh Công ty Điện lực Long An

Số cổ phiếu nắm giữ : 1.342 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,001% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Thịnh

Năm sinh : 18/01/1955

Địa chỉ thường trú : Căn hộ D2, Chung cư Thế hệ mới, 17 Hồ Hào Hớn, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện

Quá trình công tác

1976 - 1981 : Sở Công thương Sông Bé

1981 - 1998 : Công ty Điện lực Đồng Nai

1998 - 2007 : Trưởng phòng Quản lý xây dựng Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

2007 - nay : Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam.

Số cổ phiếu nắm giữ : 275.000 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,29 % vốn điều lệ

Ông Lê Xuân Hải

Năm sinh : 04/04/1966.

Trình độ chuyên môn :Kỹ sư điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Địa chỉ thường trú :6.21 CC Vạn Đô, số 348 Bến Vân Đồn, P1, Q.4, Tp.HCM

Quá trình công tác

1986 - 2010: Trưởng Phòng Tổ chức & Nhân sự - tại Công ty Điện lực Bến Tre

2010 - 2015 : Phó Chánh Văn phòng - Tổng công ty Điện lực miền Nam

2015 - nay : Trưởng Ban Tổ chức & Nhân sự - Tổng công ty Điện lực miền Nam

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Văn Danh

Năm sinh : 06/01/1976

Địa chỉ thường trú : 41/12 Phan Đình Phùng, P. Tân Thành, Quận Tân Phú, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán kiểm toán; Cử nhân QTKD Quốc tế

Quá trình công tác

2001-2006 : Thành viên BKS – Công ty CP Xây lắp Điện.

2003-2010 : Cán bộ Tổ Kiểm toán nội bộ, TCKT - Cty Điện lực 2 (Tổng công ty Điện lực Miền Nam)

2011-2013 : Cán bộ Văn phòng kiểm soát viên- Tổng công ty Điện lực Miền Nam.

2014-5/2017 : Cán bộ, Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ, Tổng công ty Điện lực Miền Nam.

6/2017 - nay : Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và Giám sát Tài chính - Tổng công ty Điện lực Miền Nam.

Số cổ phiếu nắm giữ : 2.480 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,003 % vốn điều lệ

Ông Lê Tuấn Hải

Năm sinh : 08/04/1970

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống điện.

Địa chỉ thường trú : 137/3 Đường 59, P14, Q.Gò Vấp. TP.HCM

Quá trình công tác

01/2008 - 12/2008 : Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ – UVHĐ Quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN)

01/2009 - 03/2011 : Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Thác Mơ – UVHĐ Quản trị đại diện 30% phần vốn Nhà nước (vốn của EVN)

01/11/2013 - 28/09/2015 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – ĐaMi

01/03/2006 - nay : Giám đốc kỹ thuật ngành điện – Công ty CP Cơ Điện lạnh (REE)

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thành Tú Anh	Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Thịnh

Xem ở thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Châu

Năm sinh : 10/08/1961

Nơi sinh : Tiền Giang

Địa chỉ thường trú : 30/11D Phan Huy Ích, Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi

Quá trình công tác

2005-2007 : Trưởng phòng thẩm định chế độ dự toán ban quản lý ĐT xây dựng thủy lợi 10.

2007 - nay : Phó Tổng giám đốc CTCP Thủy điện Miền Nam

Số cổ phiếu nắm giữ : 93.250 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,1% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thành Tú Anh

Năm sinh : 11/05/1977

Nơi sinh : Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú : 158/32 Nguyễn Văn Đậu, Phường 7, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Quá trình công tác

2002-2004 : Công tác tại phòng kế toán tài chính Công ty điện lực 2

2004 - nay : Kế toán trưởng CTCP Thủy điện Miền Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu (cá nhân sở hữu)

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS
3	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS

Ông Võ Thái

Năm sinh : 20/02/1972

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Địa chỉ thường trú : 77/13/47 Phạm Đăng Giảng, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, Tp.HCM

Quá trình công tác

2008 - 2011 : Kế toán trưởng Công ty CP Khoáng sản Bằng Hữu

2012 - 2013 : Kế toán trưởng Công ty CP Năng lượng tái tạo DVA

2014 - nay : Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Việt Liên Á – Phú Hưng Gia

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

Ông Hoàng Minh Dũng

Năm sinh : 01/12/1966

Địa chỉ thường trú : P.303 Cư xá Trần Nhật Duật, Q.1, TP.HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán , Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh

Quá trình công tác

1987 - 1999 : Cán bộ kế toán XN xây lắp điện, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)

1999 - 2003 : Cán bộ kế toán, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)

2003 - 2007 : Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)

2008 - 2010 : Kế toán trưởng Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)

04/2010 - 04/2011 : Kiểm soát viên, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

05/2011 - nay : Kế toán trưởng, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Số cổ phiếu nắm giữ : 20.000 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0,02% vốn điều lệ

Bà Đỗ Thị Hải Âu

Năm sinh : 08/05/1966

Địa chỉ thường trú : 876/2C CMT8, Phường 5, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

1992 - 02/2002 : Cán bộ kế toán Trung Tâm Thí nghiệm điện, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).

01/03/2002 - 10/04/2007 : Phó phòng TCKT Trung tâm thí nghiệm điện miền Nam, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng công ty Điện lực miền Nam).

11/04/2007 - nay : Chuyên viên Ban TCKT, Công ty Điện lực 2 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Nam).

01/01/2008 - 04/2010 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Điện lực.

27/4/2011 - 28/02/2014: Kiểm soát viên không chuyên trách, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

04/2016 - nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

Số cổ phiếu nắm giữ : 0 cổ phiếu

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ : 0% vốn điều lệ

Tình hình thay đổi nhân sự:

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-SHP-TH ngày 02/11/2017 về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam. Kể từ ngày 01/12/2017, Ông Nguyễn Dũng được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí.

Mức lương bình quân của người lao động qua các năm

Chi tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Triệu Đồng/người/ tháng	16,87	16,89	19,98

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2017

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ trên Đại học	2	1,63
2	Trình độ Đại học và trên Đại học	46	37,40
3	Trình độ Cao đẳng	23	18,70
4	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	22	17,89
5	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	27	21,95
6	Lao động phổ thông	3	2,44
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	57	46,34
2	Lao động gián tiếp	66	53,66
III	Phân theo hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng xác định thời hạn	20	16,26
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	103	83,74
IV	Theo giới tính		
1	Nam	107	86,99
2	Nữ	16	13,01
	Tổng cộng	123	100

Tình hình tăng, giảm lao động trong năm 2017:

- Tổng số lao động đầu năm: 122 người.
- Lao động tăng trong năm: 04 người.
- Lao động giảm trong năm: 03 người (trong đó: 01 người nghỉ hưu thuộc văn phòng Công ty, 02 người nghỉ việc theo nguyện vọng thuộc Phòng Kỹ thuật sửa chữa và nhà máy Đa M'Bri, Chi nhánh Lâm Đồng).
- Tổng số lao động cuối năm: 123 người.
- Tuyển dụng bổ sung 04 nhân sự theo nhu cầu cho Chi nhánh Lâm Đồng.



Chính sách với người lao động

- SHP cam kết toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty sau khi ký hợp đồng chính thức đều được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Công tác bảo hiểm trong những năm qua được Công ty thực hiện tốt, kịp thời.
- Ngày 26/12/2017 Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu của Công ty và trên cơ sở đó ban hành hệ thống thang bảng lương mới áp dụng từ 01/01/2018. Hệ thống thang bảng lương mới đã được Công ty đăng ký với Phòng Lao động Thương Binh Xã Hội Quận 1 TP.HCM (Căn cứ Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ ban hành mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ 01/01/2018).
- Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho toàn bộ người lao động và thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc lực lượng vận hành, sửa chữa; khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm cho nhân sự mới tuyển dụng thuộc Chi nhánh Lâm Đồng. Qua kết quả khám bệnh nghề nghiệp, không có trường hợp nào chẩn đoán mắc bệnh di truyền nghề nghiệp.
- Công ty tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh công tác đào tạo. Trong năm đã tổ chức các khóa đào tạo với tổng chi phí đã thực hiện là 488,9 triệu đồng, bao gồm: học tiếng Anh, quản trị nhân sự, quản trị công ty, lập Báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, giao tiếp, thuyết trình, đào tạo kiểm định viên, bảo dưỡng thiết bị sản xuất, tham gia Hội thảo quốc tế về thủy điện tại Changsha-Trung Quốc, huấn luyện bơi lội cho người lao động tại Chi nhánh Lâm đồng, ...

PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

SẢN XUẤT KINH DOANH

Về tình hình hình hoạt động tại các nhà máy thủy điện của Công ty

Năm 2017, Cùng với những thuận lợi về thủy văn, công tác trung đại tu các tổ máy, kiểm tra bảo dưỡng thiết bị và đường dây đã được thực hiện hoàn tất trong những tháng đầu năm, tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực để duy trì vận hành ổn định 3 nhà máy, tận dụng tối đa nước về, sản lượng và doanh thu các nhà máy đều vượt kế hoạch. Cụ thể như sau:

01

Lưu lượng nước về hồ chứa các nhà máy cao hơn so với thiết kế:

- ĐaM'bri: 125,6% so với số liệu thiết kế.
- Đa Dâng 2: 161,5% so với số liệu thiết kế.
- Đasiat: 129,9% so với số liệu thiết kế.

02

Số giờ chạy máy bình quân 3 nhà máy như sau:

- ĐaM'bri: 5.413h/theo thiết kế 4.509h.
- Đa Dâng 2: 6.645h/theo thiết kế 4.474h.
- Đasiat: 6.052h/theo thiết kế 4.396h.

03

Công ty đã phát tăng thêm so với công suất định mức thiết kế để tận dụng tối đa nước về chạy máy trong các tháng mùa mưa:

- ĐaM'bri: 6,0 triệu kWh.
- Đasiat: 1,1 triệu kWh.

04

Việc thay thế 2 bánh xe công tác cho nhà máy Đa Dâng 2 hoàn thành trong tháng 3/2017, công suất phát được tăng thêm so với thiết kế ban đầu 0,75MW/ tổ máy, 6 tháng mùa mưa đã phát tăng thêm 5,04 triệu kWh.

Giờ cao điểm mùa khô, nhà máy Đasiat đã phát tăng sản lượng 170.000kWh.

Về việc triển khai Dự án Điện mặt trời Đa Dâng 2:

Cùng với chủ trương của Nhà nước khuyến khích đầu tư các nguồn điện, đặc biệt là năng lượng sạch, tận dụng những diện tích đất bãi thải, khu phụ trợ đã được đền bù của dự án Đa Dâng 2, tận dụng diện tích mặt nước, vùng bán ngập, kênh dẫn nước, Công ty đã thuê Công ty CP tư vấn xây dựng điện 3 nghiên cứu lập Báo cáo bổ sung quy hoạch dự án Điện mặt trời tại nhà máy Đa Dâng 2 với qui mô công suất lắp đặt khoảng 15MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 387 tỷ đồng. UBND tỉnh Lâm Đồng đã cho chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án điện mặt trời trên khu vực nhà máy Đa Dâng 2 theo văn bản số 4616/UBND-MT ngày 19/07/2017.

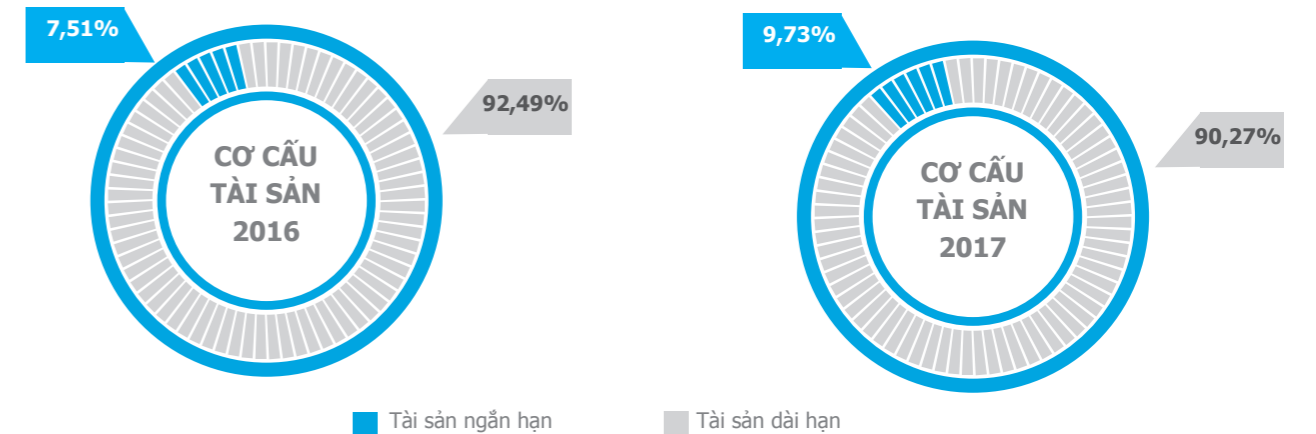
Công ty đã nộp hồ sơ bổ sung qui hoạch và Sở Công thương Lâm Đồng đã chủ trì họp thẩm định dự án vào ngày 22/08/2017. Ngày 08/01/2018 UBND tỉnh Lâm Đồng đã thống nhất và trình Bộ Công thương bổ sung qui hoạch cho dự án theo văn bản số 101/UBND-MT.

ĐÁNH GIÁ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

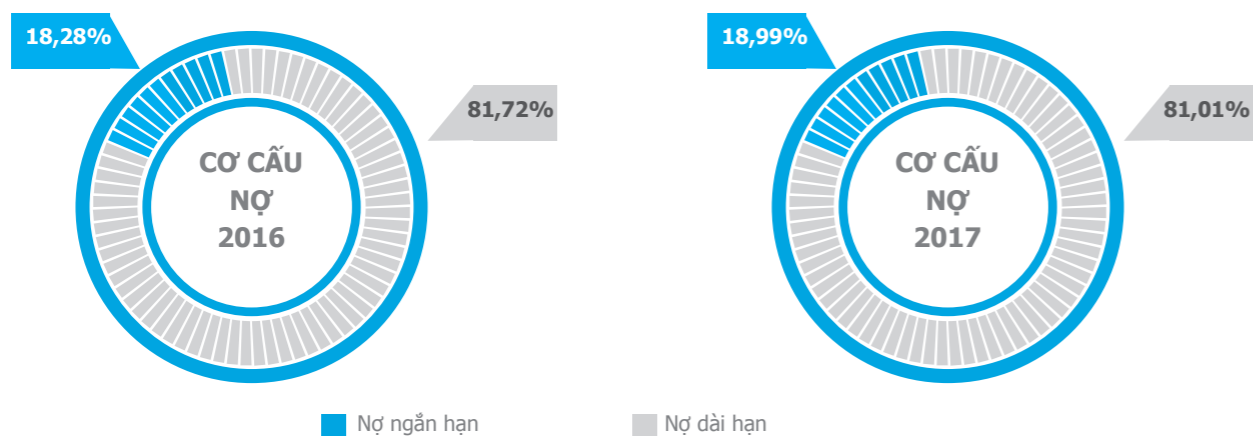
STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ VNĐ	198,63	240,63	21,14%
2	Tài sản dài hạn	Tỷ VNĐ	2.447,07	2.232,45	(8,77%)
Tổng tài sản		Tỷ VNĐ	2.645,70	2.473,07	(6,52%)



Tổng tài sản của SHP trong năm có sự giảm nhẹ 6,52% so với cùng kì năm trước, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 21,14% đạt 240,63 tỷ đồng, tài sản dài hạn sụt giảm 8,77% do chi phí khấu hao lũy kế tài sản cố định sẽ tăng dần qua các năm. Trong cơ cấu tài sản của SHP, Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn khi chiếm hơn 90,27% tổng tài sản trong đó chủ yếu đến từ tài sản cố định do ngành thủy điện là ngành có yêu cầu cao về thiết bị sản xuất và nhà xưởng, đặc biệt là các chi phí xây dựng cơ bản. Trong năm, tài sản dở dang dài hạn tăng từ 17,97 triệu lên thành 7,32 tỷ do các khoản chi phí đầu tư vào dự án Nhà máy thủy điện Đa M'bri và Nhà máy thủy điện Đasiat.

Tình hình nợ phải trả

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	Tỷ VNĐ	268,75	238,50	(11,26%)
2	Nợ dài hạn	Tỷ VNĐ	1.199,67	1.017,52	(15,18%)
	Tổng nợ phải trả	Tỷ VNĐ	1.468	1.256	(14,47%)



Tổng nợ phải trả của SHP tại thời điểm 31/12/2017 là 1.256 tỷ đồng, giảm 14,47% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng nợ ngắn hạn giảm từ 268,75 tỷ đồng xuống còn 238,49 tỷ đồng nhờ hoạt động hiệu quả của các nhà máy thủy điện đã giúp Công ty đủ khả năng chi trả đúng hạn các khoản nợ vay trong năm. Tương tự, nợ dài hạn cũng giảm 15,18% tương đương 182,16 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Trong cơ cấu nợ của SHP, chiếm tỷ trọng chủ yếu vẫn là nợ dài hạn với 81,01% tổng nợ phải trả của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM 2017

Về Công tác quản lý kỹ thuật, an toàn:

Công ty đã rà soát, hiệu chỉnh sửa đổi và ban hành các qui trình, qui định, hướng dẫn phục vụ công tác quản lý vận hành các nhà máy. Cụ thể:

- Qui trình vận hành và xử lý sự cố trạm 110kV ĐaM'bri và Đa Dâng 2.
- Qui trình bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các thiết bị.
- Bổ sung qui trình vận hành turbin Đa Dâng 2.
- Qui định quản lý môi trường các nhà máy.
- Qui định quản lý các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Hướng dẫn sửa chữa máy biến thế chính Đasiat, Đa Dâng 2.
- Hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa máy phát Đasiat, Đa Dâng 2, ĐaM'bri.
- Hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa phần cơ máy phát Đa Dâng 2.

Tổ chức học tập rút kinh nghiệm từ các sự cố để rút kinh nghiệm trong vận hành.

Tổ chức phổ biến, rút kinh nghiệm các tai nạn lao động từ EVN, tổ chức diễn tập sự cố định kỳ hàng quý.



Về Công tác trung đại tu các nhà máy:

Nhà máy Đasiat: Đã hoàn tất công tác đại tu tổ máy H1 và sơn đường ống áp lực trong tháng 01/2017.

Nhà máy Đa Dâng 2: Đã hoàn tất công tác đại tu tổ máy H1, thay bánh xe công tác tổ máy H1 trong tháng 02/2017, tổ máy H2 trong tháng 03/2017. Kết quả bánh xe công tác mới đạt công suất theo yêu cầu của hợp đồng.

Về chính sách đối với người lao động:

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho toàn bộ người lao động và thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc lực lượng vận hành, sửa chữa; khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm cho nhân sự mới tuyển dụng thuộc Chi nhánh Lâm Đồng. Qua kết quả khám bệnh nghề nghiệp, không có trường hợp nào chẩn đoán mắc bệnh diếc nghề nghiệp.

Công ty tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh công tác đào tạo. Trong năm đã tổ chức các khóa đào tạo với tổng chi phí đã thực hiện là 488,9 triệu đồng, bao gồm: học tiếng Anh, quản trị nhân sự, quản trị công ty, lập Báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, giao tiếp, thuyết trình, đào tạo kiểm định viên, bảo dưỡng thiết bị sản xuất, tham gia Hội thảo quốc tế về thủy điện tại Changsha-Trung Quốc, huấn luyện bơi lội cho người lao động tại Chi nhánh Lâm đồng.

KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định tình hình năm 2018

Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đầu vào của nhóm hàng truyền thống không bị ảnh hưởng nhiều, các hoạt động giao thương diễn ra sôi động sẽ tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Theo Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, năm 2018, mùa mưa nhìn chung có xu hướng đến sớm ở các khu vực trên phạm vi toàn quốc, các tháng đầu năm 2018 mưa trái mùa có khả năng xuất hiện ở khu vực phía nam. Lượng mưa từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2018 ở Bắc Bộ có khả năng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn so với Trung bình nhiều năm (TBNN), Khu vực Trung Bộ từ tháng 2 đến tháng 7 năm 2018 phổ biến xấp xỉ so với TBNN; khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2018 lượng mưa cao hơn TBNN, trong đó các tháng mùa khô có khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa.

Những điều kiện thủy văn thuận lợi kết hợp với tình hình hoạt động ổn định của các nhà máy, kì vọng năm 2018 sẽ là một năm đánh dấu cột mốc mới trong quá trình phát triển của SHP.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Tiêu chí	Đơn vị tính	KH 2018
1	Tổng sản lượng	Triệu kWh	614
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	590,0
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	427,0
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	163,0
5	Thuế TNDN phải nộp	Tỷ đồng	8,0
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	155,0

Căn cứ để hoàn thành kế hoạch:

- Dự báo tình hình thủy văn thuận lợi, lượng nước về các hồ chứa thủy điện của Công ty tương đương năm 2017.
- Đội ngũ điều hành và người lao động Công ty ngày càng có kinh nghiệm, tay nghề được nâng cao.
- Thiết bị các nhà máy được bảo trì, sửa chữa đúng hạn. Các thông số kỹ thuật sau sửa chữa đạt yêu cầu, đảm bảo an toàn trong vận hành.
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát để giảm suất sự cố và thời gian dừng máy.
- Triển khai dự án điện mặt trời tại nhà máy Đa Dâng 2 sau khi được Bộ Công thương bổ sung quy hoạch.
- Vận hành hồ chứa và công tác Phòng chống thiên tai tại và tìm kiếm cứu nạn có kế hoạch, thiết lập các quy trình, phương án, tổ chức diễn tập để phòng ngừa, giảm thiểu tối đa thiệt hại khi có sự kiện xảy ra.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ Phần Thủy điện Miền Nam, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



PHẦN V

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

Năm 2017, công tác trung đại tu các tổ máy, kiểm tra bảo dưỡng thiết bị và đường dây đã được Công ty lập kế hoạch, đăng ký với đơn vị điều độ vận hành hệ thống điện và thực hiện hoàn tất trong những tháng đầu năm. Với điều kiện thuận lợi về thủy văn, mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn (kéo dài từ tháng 05 đến tháng 11/2017), cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành, tập thể nhân viên toàn Công ty đã vận hành an toàn 03 nhà máy, phương thức vận hành hợp lý, tận dụng tối đa lượng nước về nên sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của các nhà máy đều vượt kế hoạch. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	31/12/2017	%Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng sản lượng	tính	596,60	708,36	118,73%
2	Tổng doanh thu	triệu Kwh	573.00	619.95	108,19%
3	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	150.00	185.25	123,50%

Đánh giá về công tác sửa chữa, vận hành các nhà máy:

Đối với nhà máy Đasiat:

Thực hiện đấu thầu và triển khai thi công gói thầu nâng cấp đường giao thông (giai đoạn 2017-2018). Thực hiện đại tu tổ máy H1 và sơn đường ống áp lực trong tháng 01/2017. Đường dây 22KV mạch kép đấu nối bán điện dài gần 23Km đi qua khu vực rừng rậm và khu vực nhiều sét, Công ty tiếp tục rà soát và thực hiện các biện pháp để giảm sự cố: thay toàn bộ sứ đứng, sứ treo kém chất lượng bằng sứ Polymer, bổ sung tiếp địa đường dây, lắp chống sét van trên đường dây, lắp đặt đai ngăn sức vật leo lên đường dây, lắp đặt dây chống sét, bọc lều.

Số giờ vận hành trung bình năm 2017 của nhà máy Đasiat: 6.052 giờ.

Đối với nhà máy Đa Dâng 2:

Đã thực hiện đại tu tổ máy H1, thay bánh xe công tác tổ máy H1 trong tháng 02/2017, thay bánh xe công tác tổ máy H2 trong tháng 03/2017. Hai bánh xe công tác mới giúp tăng công suất nhà máy.

Số giờ vận hành trung bình năm 2017 của nhà máy Đa Dâng 2: 6.645 giờ.

Đối với nhà máy Đa M' Bri:

Thực hiện đấu thầu và triển khai thi công gói thầu nâng cấp đường giao thông (giai đoạn 2017-2018). Thực hiện trung tu và tiểu tu 02 tổ máy. Số giờ vận hành trung bình năm 2017 của nhà máy Đa M' Bri: 5.413 giờ.

Về công tác Công tác quyết toán dự án:

Hoàn thành quyết toán và trình Đại hội cổ đông thông qua phê duyệt quyết toán dự án Đa M' Bri trong tháng 05/2017.

Về công tác Công tác tín dụng:

Thực hiện khoản vay 142 tỷ đồng tại ngân hàng Shinhan Việt Nam để tái tài trợ khoản vay tại ngân hàng Quốc tế Việt Nam, giảm chi phí lãi vay cho Công ty.

Công tác chi trả cổ tức:

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2016 với mức chi trả là 1.500 đồng/cổ phần cho cổ đông.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty trong việc giám sát hoạt động đối với Ban Tổng giám đốc, cụ thể như sau:

Ban Tổng giám đốc đã bám sát các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ Điều lệ Công ty để thực hiện theo đúng phân cấp và nhiệm vụ được giao.

Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Tổng giám đốc đã xin ý kiến của Hội đồng quản trị kịp thời để tổ chức thực hiện.

Nhìn chung, Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty diễn ra hiệu quả, tiết kiệm, tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Với kết quả năm 2017 đạt mức lợi nhuận sau thuế 185,2 tỷ đồng (vượt 23,4% kế hoạch lợi nhuận năm 2017), Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2017.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh: Trong bối cảnh tình hình biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn biến phức tạp, Hội đồng quản trị đánh giá năm 2018 vẫn sẽ là một năm đầy thách thức đối với Công ty. Công ty sẽ tập trung củng cố công tác vận hành phát điện tại 03 nhà máy; tiến hành bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đơn đốc, theo dõi nhằm nhanh chóng đưa các tổ máy đi vào sản xuất trở lại, giúp ổn định doanh thu và tiết kiệm chi phí.

Về đầu tư dự án năng lượng tái tạo mới: Công ty thực hiện trình Bộ Công thương phê duyệt bổ sung quy hoạch Dự án điện mặt trời tại khu vực nhà máy thủy điện Đa Dâng 2, đồng thời tiến hành xem xét, đánh giá các chỉ tiêu tài chính, phương án huy động vốn của Dự án để quyết định đầu tư. Bên cạnh đó sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án năng lượng tái tạo khác.

Về quản trị Công ty: Công ty sẽ tiến hành rà soát để thực hiện và tuân thủ các quy định về quản trị đối với công ty niêm yết theo quy định mới tại nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan,
Năm 2017, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức 6,68% trong đó, các ngành kinh tế có sự phát triển như vũ bão để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của khoảng hơn 90 triệu người.

Đi kèm với sự phát triển kinh tế và tăng trưởng dân số là các vấn đề về môi trường – xã hội như biến đổi khí hậu, bảo lụt thất thường, đói nghèo, tệ nạn gia tăng v.v... trong đó Việt Nam là nước chịu tác động không nhỏ. Tuy chất lượng cuộc sống và GDP bình quân/ đầu người đã được cải thiện đáng kể trong 5 năm qua, nhưng khoảng cách giàu nghèo vẫn còn lớn, mức sống và điều kiện sinh hoạt thiết yếu như điện, nước sạch ở một số vùng nông thôn ở nước ta vẫn còn hạn chế.

Phát triển bền vững là một nội dung chiến lược được tất cả các quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm, chú trọng và đã trở thành yêu cầu phát triển thiết yếu. Một cách khái quát, phát triển bền vững là quá trình có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa, hợp lý giữa ba mặt: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong đầu tư các nhà máy thủy điện quy mô vừa và nhỏ. SHP với hơn 10 năm hình thành và phát triển nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong công cuộc phát triển kinh tế – xã hội và cải thiện môi trường. Nội dung phát triển bền vững đã trở thành trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của SHP trong nhiều năm qua.

Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên SHP xác định rằng Công ty chỉ phát triển bền vững và thành công lâu dài khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội. SHP mong muốn tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế cũng luôn quan tâm đến mục tiêu phát triển bền vững vì đây chính là thái độ và trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội, với đất nước, với các thế hệ tương lai. Và chúng tôi rất ủng hộ những nỗ lực không ngừng để thông điệp Phát triển bền vững ngày một lan truyền và được hưởng ứng một cách rộng rãi.



Đoàn Đức Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tháng 4 năm 2018



“ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Phát triển bền vững là nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh doanh của SHP

SHP xác định rằng Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm, gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: cổ đông và nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh, cơ quan quản lý Nhà nước, nhân viên và cộng đồng xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

Lợi ích về kinh tế:

- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận một cách bền vững.
- Góp phần kiến tạo nền kinh tế bền vững thông qua hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Trách nhiệm xã hội:

- Đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực để góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ.
- Chia sẻ tinh thần và thành quả vật chất với cộng đồng và xã hội.
- Phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên, đào tạo trình độ nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ, tin học.

Bảo vệ môi trường:

- Hạn chế những ảnh hưởng từ hoạt động kinh doanh.
- Sử dụng năng lượng và nước hiệu quả, tiết kiệm.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.

Sử dụng nguồn vốn hiệu quả

Những năm qua, công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của một doanh nghiệp đối với công tác đóng góp ngân sách Nhà nước, thực hiện nộp thuế đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, giữ vững và gia tăng lợi ích cổ đông qua đó góp phần vào quá trình thúc đẩy kinh tế Việt Nam ngày một phát triển.

Nguyên liệu sản xuất

Kinh doanh đặc thù trong lĩnh vực thủy điện, SHP không phát sinh chi phí cho nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất trực tiếp vì nguyên liệu chủ yếu mà Công ty sử dụng để tạo ra sản phẩm là nước từ các sông, suối ngay tại địa phương có nhà máy thủy điện; vì vậy, chi phí đầu vào cho nguyên liệu gần như không phát sinh. Về đầu ra, sản phẩm của Công ty là năng lượng, do đó sản phẩm sau khi sản xuất được truyền tải trực tiếp vào hệ thống điện lưới quốc gia, không phát sinh chi phí bao bì đóng gói sản phẩm.

Tiêu thụ năng lượng

SHP sử dụng nguồn nước đồng thời là nguồn đầu vào để sản xuất điện, hiện tại SHP đầu tư tổng cộng 03 nhà máy thủy điện, chủ yếu tại khu vực Nam Tây Nguyên. Nhìn chung, hệ thống sông ở vùng Tây Nguyên có nhiều tiềm năng về thủy điện nên việc khai thác nguồn cung cấp nước cho Công ty ít gặp khó khăn. Cụ thể, nguồn cung cấp nước cho SHP là phụ lưu sông Đồng Nai và các nhánh suối khác thuộc lưu vực Sông Đồng Nai. Tuy nhiên, việc xây dựng các công trình thủy điện có thể làm thay đổi chế độ dòng chảy, gây tác động một phần môi trường tự nhiên cũng như môi trường kinh tế xã hội trong khu vực dự án.

Để vận hành các thiết bị tại nhà máy, cũng như quản lý tại các văn phòng, Công ty sử dụng nguồn năng lượng chủ yếu từ điện năng. Tổng sản lượng điện dùng cho sản xuất và quản lý tại văn phòng trong năm qua là 3.273.547 kWh. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, SHP còn sử dụng một số năng lượng thiết yếu khác như xăng, dầu cho quá trình vận chuyển, gas và khí đốt,...

Là đơn vị sản xuất năng lượng, SHP ý thức được việc thực thi tiết kiệm năng lượng, không chỉ trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo lợi ích Công ty mà còn tiết kiệm trong cả quá trình quản lý với mục tiêu càng tiết giảm thất thoát là càng góp phần làm xanh môi trường.



Tình hình tiêu thụ năng lượng trong năm 2017 tại SHP với hầu hết các chỉ tiêu đều được tiết giảm thể như sau:

Tổng kết tình hình sử dụng năng lượng

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2017
1	Tổng năng lượng tiêu thụ (kWh)	
-	Điện dùng trong quản lý văn phòng (kWh)	27.534
-	Điện dùng trong sản xuất (kWh)	3.246.013
+	Điện tự dùng cho sản xuất (kWh)	2.807.189
+	Điện mua dùng cho sản xuất (kWh)	438.824
2	Tổng năng lượng tiêu thụ (lít)	32.933
-	Xăng, Dầu,... trong sản xuất (lít)	175
-	Xăng, Dầu,... trong quản lý văn phòng (lít)	
+	Dầu DO (lít)	21.307
+	Xăng 92 (lít)	11.451
3	Tổng năng lượng tiêu thụ (40 lít khí oxy/bình)	
-	Gas, Khí đốt,... trong sản xuất (40 lít khí oxy/bình)	240

Lượng nước sử dụng trong năm của Công ty

Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: lít)
Sử dụng phát điện	1.634.007.600
Nhà máy Đasiat	134.074.656
Nhà máy Đa Dâng 2	1.082.672.784
Nhà máy ĐaM'Bri	417.260.160



- Ký hợp đồng với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Lâm Đồng để huấn luyện sơ cấp cứu tai nạn lao động cho người lao động Chi nhánh.
- Lập sổ theo dõi về tình hình tai nạn lao động trong Công ty theo quy định của Thông tư 08/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2016 trong tháng 08/2017.
- Trong tháng 12/2017 đã tổ chức đánh giá nguy cơ rủi ro về tai nạn lao động tại các Nhà máy và các tổ thuộc phòng kỹ thuật sửa chữa, kết quả có 11 nguy cơ có thể gây ra tai nạn lao động và đã đưa ra các biện pháp để đề phòng các nguy cơ.
- Tổ chức học tập rút kinh nghiệm từ các sự cố để rút kinh nghiệm trong vận hành.
- Tổ chức phổ biến, rút kinh nghiệm các tai nạn lao động từ EVN, tổ chức diễn tập sự cố định kỳ hàng quý.

Trong năm người lao động đã có 04 sáng kiến. Công ty đã xét công nhận 03/04 sáng kiến với tổng số tiền khen thưởng 35.000.000 đồng.



Phát triển Nguồn nhân lực, đảm bảo an toàn cho người lao động

SHP chú trọng đến việc phát triển và giữ chân nguồn nhân lực trong các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty với các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên. Công tác kỹ thuật an toàn và VSLĐ:

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ (Cấp Công ty: 2 lần/năm), cấp Chi nhánh: 1 lần/quý) công tác ATVSLĐ và chấn chỉnh việc thực hiện quy định an toàn lao động, chế độ cấp phiếu công tác, phiếu thao tác, lệnh công tác tại các Nhà máy.
- Tổ chức kiểm tra kiến thức an toàn điện định kỳ cho toàn bộ nhân sự thuộc phòng kỹ thuật sửa chữa và phân xưởng sản xuất của Chi nhánh.
- Thường xuyên hướng dẫn cho người lao động cách kiểm tra và sử dụng các dụng cụ an toàn điện như: sào thao tác, găng tay, ủng cách điện, bút thử điện, dây đai an toàn,... Trong tháng 07/2017 Công ty đã hợp đồng với Trung tâm Nghiên cứu Đào tạo và Phát triển kỹ năng quản lý để huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho người lao động trong Chi nhánh bao gồm: Nhân viên thuộc đối tượng nhóm 4 là 14 người, thuộc nhóm 3 là 77 người.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị, thực hiện đầy đủ các qui định về thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Trong năm qua, SHP đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ an toàn sức khỏe nghề nghiệp TVT để Quan trắc môi trường lao động và nước tại 3 nhà máy trong tháng 8/2017, đã thực hiện khắc phục các tồn tại nêu ra trong báo cáo như: khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc phân xưởng sản xuất và phòng kỹ thuật sửa chữa của Chi nhánh trong tháng 12/2017, tăng cường kính cách âm cho phòng trung tâm nhà máy Đa Siat, lắp thêm đèn chiếu sáng....

Công tác Phòng cháy chữa cháy:

- Tổ chức cho 28 người lao động tham gia các lớp huấn luyện nghiệp vụ Phòng cháy – cháy nổ do Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Lâm Đồng tổ chức trong tháng 03 và tháng 11/2017 tại thành phố Bảo Lộc.
- Thực hiện kiểm tra định kỳ tình trạng làm việc của hệ thống báo cháy, các phương tiện, thiết bị chữa cháy tại 03 nhà máy, đã khắc phục và mua sắm thay thế các phương tiện, thiết bị hư hỏng.
- Tổ chức diễn tập Phương án chữa cháy nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 vào ngày 15/06/2017.
- Định kỳ hướng dẫn cách sử dụng các thiết bị và phương tiện phòng chống cháy nổ. Phổ biến cho các nhân viên trong Chi nhánh các vụ cháy lớn trong năm, các nguyên nhân gây ra cháy và cách phòng cháy, cách kiểm tra, sử dụng, bảo quản các phương tiện phòng cháy chữa cháy như bình chữa cháy CO2, bình bột, cuộn dây chữa cháy, dùng chăn mền chữa cháy.





Trách nhiệm xã hội

- SHP luôn xem việc chia sẻ tấm lòng với cộng đồng, xã hội là tinh thần và trách nhiệm của doanh nghiệp. Trong nhiều năm qua, SHP luôn đồng hành và tổ chức các hoạt động từ thiện hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt cho sự nghiệp giáo dục và phát triển của thế hệ trẻ, và khuyến khích nhân viên tham gia đóng góp và các sự kiện, chương trình gây quỹ vì cộng đồng.
- Trong lĩnh vực giáo dục, Công ty đã tài trợ trao học bổng khuyến học trong lễ khai giảng năm học 2017-2018 cho các em học sinh Trường tiểu học & trung học cơ sở Lê Lợi - xã Lộc Tân -huyện Bảo Lâm và Trường trung học sơ sở Lộc Tân-xã Lộc Tân - huyện Bảo Lâm.
- Về hoạt động xã hội, Công ty cũng đã có những hoạt động hỗ trợ quà Tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Phước Lộc nhằm chia sẻ với những mảnh đời khó khăn, kém may mắn trong xã hội, giúp họ có động lực vươn lên trong cuộc sống.




Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Trong năm 2017, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường.
- Hàng năm, Công ty tham gia bảo vệ rừng đầu nguồn, tái tạo môi trường tại các khu vực nhà máy thủy điện của Công ty, thực hiện nộp thuế tài nguyên và phí dịch vụ bảo vệ rừng theo đúng quy định của pháp luật.
- Các nhà máy thủy điện của SHP ngoài việc sản xuất và cung cấp điện năng còn có vai trò điều tiết dòng chảy các sông suối trên địa bàn đặt các nhà máy. Đặc biệt, nhà máy Đa Dâng 2 có hệ thống kênh dẫn nước dài 2,3 Km của tuyến năng lượng chạy ngang vùng sản xuất nông nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tưới tiêu canh tác 400 ha trên tổng số 1.000 ha đất sản xuất nông nghiệp của xã Tân Thành – Huyện Đức Trọng – Tỉnh Lâm Đồng. SHP đã xây dựng và phát triển dự án theo cơ chế sạch (CDM) của Ủy ban biến đổi khí hậu Liên Hiệp Quốc, SHP đã đăng ký thành công cả 03 nhà máy Thủy điện Đa Siat, Đa Dâng 2, Đa M'brì thành các dự án theo cơ chế phát triển sạch.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Hiện tại công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN.




ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2017

PHẦN VII
QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam tiến hành 06 cuộc họp.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%	Được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2017-2022) và Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/06/2017
2	Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2017-2022) từ ngày 22/06/2017
3	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2017-2022) từ ngày 22/06/2017
4	Ông Lê Xuân Hải	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2017-2022) từ ngày 22/06/2017
5	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	6/6	100%	Được ĐHĐCĐ tiếp tục bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2017-2022) từ ngày 22/06/2017
6	Ông Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%	Hết nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT từ ngày 22/06/2017
7	Ông Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Hết nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT từ ngày 22/06/2017
8	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Hết nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT từ ngày 22/06/2017
9	Ông Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Hết nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT từ ngày 22/06/2017



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, chỉ phân công từng thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực chuyên môn.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc điều hành:

Trong năm 2017, HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc như sau:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính quý của năm 2017 và Báo cáo thường niên năm 2016;
- Tổng kết tình hình hoạt động năm 2016 và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2017;
- Chỉ đạo việc chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 đúng theo quy định của pháp luật hiện hành vào ngày 22/06/2017;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Chỉ đạo triển khai chi trả cổ tức năm 2016.
- Thành lập tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành "Dự án thủy điện Đa M'Bri";
- Ban hành Quy chế quản lý Tài chính Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam;
- HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức hoạt động, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/QĐ-CPTĐMN- HĐQT	04/01/2017	Phê duyệt chi phí tiền lương, tiền thưởng an toàn điện năm 2017.
2	02/QĐ-CPTĐMN- HĐQT	05/01/2017	Phê duyệt chi phí thẩm tra, phê duyệt Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2.
3	04/QĐ-CPTĐMN- HĐQT	24/01/2017	Thành lập tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành " Dự án thủy điện Đa M'Bri"
4	05/QĐ -CPTĐMN- HĐQT	06/03/2017	Phê duyệt chi phí thẩm tra, phê duyệt Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Công trình nhà máy thủy điện Đa M'Bri. Kế hoạch SXKD năm 2017
5	09/NQ-CPTĐMN-HĐQT	31/03/2017	Trình bổ sung quy hoạch dự án Điện mặt trời Đa Dâng 2 với qui mô công suất từ 20-30MW. Tổng nhất kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
6	10/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	31/03/2017	Thông nhất thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự, thời gian, địa điểm và nội dung tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
7	11/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	11/04/2017	Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đa M'Bri -Kế hoạch SXKD năm 2017 trình ĐHCĐ. -Thông qua quy chế quản lý tài chính công ty.
8	14/NQ -CPTĐMN-HĐQT	22/05/2017	-Thông nhất phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án thủy điện Đa M'Bri theo tờ trình của Tổng giám đốc Công ty và Báo cáo thẩm tra của Tổ thẩm tra. -Thông qua dự thảo tài liệu chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017.
9	15/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	25/05/2017	Ban hành quy chế quản lý Tài chính Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam
10	16/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	25/05/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án: nhà máy thủy điện Đa M'Bri
11	29/NQ-CPTĐMN-HĐQT	12/07/2017	Thông qua việc vay tái tài trợ tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam, mức vay 142 tỷ đồng (tương đương 13,5% vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2017)
12	32/NQ-CPTĐMN-HĐQT	21/07/2017	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả cổ tức năm 2016
13	33/NQ-CPTĐMN-HĐQT	21/07/2017	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
14	34/QĐ-CPTĐMN-HĐQT	21/07/2017	Bổ nhiệm Thư ký Công ty
15	35/NQ-CPTĐMN-HĐQT	21/07/2017	Phê duyệt mua sắm bổ sung thiết bị thuộc nhà máy Đa M'Bri
16	39/NQ-SHP-HĐQT	04/12/2017	-Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD Quý III/2017, 11 tháng đầu năm 2017 và ước thực hiện cả năm 2017. -Giao Tổng giám đốc thực hiện một số công tác: Thực hiện các thủ tục để trình Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch Dự án Điện mặt trời Đa Dâng 2; rà soát lại Điều lệ công ty, quy chế quản trị và các quy chế quản lý nội bộ khác về nội dung cần sửa đổi cho phù hợp với quy định về quản trị công ty; hoàn thiện phương án kế hoạch SXKD năm 2018.

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Võ Thái	Trưởng BKS	2/2	100%	Được ĐHCĐ bầu làm thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022) từ ngày 22/06/2017 và làm Trưởng BKS từ ngày 27/06/2017
2	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS	3/4	75%	Bận công tác.Được ĐHCĐ tiếp tục bầu làm thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022) từ ngày 22/06/2017
3	Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS	4/4	100%	Được ĐHCĐ tiếp tục bầu làm thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2017-2022) từ ngày 22/06/2017
4	Ông Lê Thanh Hải	Trưởng BKS	2/2	100%	Hết làm thành viên BKS từ ngày 22/06/2017

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy định, quy chế quản trị của công ty.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc triển khai, thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017;
- Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch, nâng cao hiệu quả SXKD, đàm phán giá bán điện Đa M'Bri, đàm phán với ngân hàng về giảm lãi suất cho vay của dự án Đa M'Bri...;
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ theo Quy chế quản trị của Công ty.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị về các công tác như: tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch năm 2018; chuẩn bị nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án năng lượng tái tạo mới. Các nghị quyết, biên bản họp của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đều được gửi đến Ban kiểm soát.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Danh sách các thành viên tham gia khóa đào tạo về quản trị được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước công nhận:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc
2	Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng giám đốc
3	Lê Thanh Hải	Thư ký Công ty

CÁC GIAO DỊCH, THU LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/ tháng	Thù lao tháng (theo NQ ĐHCĐ 2017) - chưa bao gồm thuế TNCN	Ghi chú (Thời gian hưởng)
I Hội đồng quản trị					
1	Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch HĐQT		15.000.000	07/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
2	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT		9.000.000	01/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
3	Nguyễn Văn Danh	Thành viên HĐQT		9.000.000	07/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
4	Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT		9.000.000	07/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
5	Lê Xuân Hải	Thành viên HĐQT		9.000.000	07/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
6	Hồ Quang Ái	Chủ tịch HĐQT		15.000.000	01/2017 - 06/2017 Nhiệm kỳ III
7	Trịnh Phi Anh	Thành viên HĐQT		9.000.000	01/2017 - 06/2017 Nhiệm kỳ III
8	Lê Chí Phước	Thành viên HĐQT		9.000.000	01/2017 - 06/2017 Nhiệm kỳ III
9	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT		9.000.000	01/2017 - 06/2017 Nhiệm kỳ III
II Ban Kiểm soát					
1	Võ Thái	Trưởng BKS		9.000.000	07/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
2	Hoàng Minh Dũng	Thành viên BKS		5.000.000	01/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
3	Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên BKS		5.000.000	01/2017 - 12/2017 Nhiệm kỳ IV
4	Lê Thanh Hải	Trưởng BKS	33.940.000		01/2017 - 06/2017 Nhiệm kỳ III

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt công tác Quản trị Công ty theo quy định quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.



Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính .

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 31 tháng 3 năm 2017 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0733-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM
 Ngày 29 tháng 3 năm 2018
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiều Phi
Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 3190-2015-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		240.626.786.752	198.631.521.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	130.626.127.825	48.233.374.014
1. Tiền	111		110.626.127.825	45.733.374.014
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	2.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.821.364.689
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.821.364.689
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.096.809.030	127.300.842.439
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	99.619.995.434	123.310.531.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.236.501.673	1.263.604.141
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	547.674.123	3.034.069.288
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(307.362.200)	(307.362.200)
IV. Hàng tồn kho	140		1.211.839.360	13.642.245.596
1. Hàng tồn kho	141	9	1.211.839.360	13.642.245.596
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.692.010.537	5.633.694.471
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	157.119.988	144.777.837
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.534.890.549	5.488.916.634
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.232.446.609.315	2.447.067.329.039
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		444.394.875	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	444.394.875	-
II. Tài sản cố định	220		2.214.751.299.598	2.445.710.116.696
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.211.843.688.997	2.442.696.039.431
- Nguyên giá	222		3.084.550.983.625	3.128.256.888.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(872.707.294.628)	(685.560.848.939)
2. Tài sản vô hình	227	12	2.907.610.601	3.014.077.265
- Nguyên giá	228		3.039.263.637	3.039.263.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(131.653.036)	(25.186.372)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.320.259.490	17.966.668
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	7.320.259.490	17.966.668
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.930.655.352	1.339.245.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	9.930.655.352	1.339.245.675
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.473.073.396.067	2.645.698.850.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.256.010.600.902	1.468.420.632.780
I. Nợ ngắn hạn	310		238.495.600.902	268.749.632.780
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.387.440.539	18.981.280.771
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	14.719.419.108	13.382.862.774
3. Phải trả người lao động	314		5.842.949.675	5.046.952.400
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.379.428.086	57.235.802.461
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.476.394.700	12.649.678.956
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	192.156.000.000	160.156.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.533.968.794	1.297.055.418
II. Nợ dài hạn	330		1.017.515.000.000	1.199.671.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	1.017.515.000.000	1.199.671.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.217.062.795.165	1.177.278.217.468
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.217.062.795.165	1.177.278.217.468
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.805.643.551	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		270.155.151.614	240.176.217.468
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		84.902.452.141	142.119.781.955
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		185.252.699.473	98.056.435.513
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.473.073.396.067	2.645.698.850.248

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	21	619.949.922.313	512.966.684.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.986.190.668	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		616.963.731.645	512.966.684.108
4. Giá vốn hàng bán	11	22	302.130.314.819	274.264.830.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		314.833.416.826	238.701.853.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	867.229.656	899.609.281
7. Chi phí tài chính	22	25	97.535.510.263	115.669.950.782
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		97.533.940.288	115.579.596.956
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	25.734.157.959	22.321.520.076
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		192.430.978.260	101.609.992.187
10. Thu nhập khác	31		648.614.754	541.931.926
11. Chi phí khác	32		1.422.940.000	1.750.002
12. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(774.325.246)	540.181.924
13. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50=30+40)	50		191.656.653.014	102.150.174.111
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	6.403.953.541	4.093.738.598
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		185.252.699.473	98.056.435.513
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.878	994

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	191.656.653.014	102.150.174.111
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	187.252.912.353	180.517.775.791
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	56.096.064
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(829.087.300)	(899.609.281)
Chi phí lãi vay	06	97.533.940.288	115.579.596.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	475.614.418.355	397.404.033.641
Giảm các khoản phải thu	09	23.713.664.619	5.650.151.180
Tăng hàng tồn kho	10	(1.146.638.237)	(10.289.898.207)
Giảm các khoản phải trả	11	(17.328.270.732)	(24.172.892.398)
Giảm chi phí trả trước	12	3.550.026.342	432.273.843
Tiền lãi vay đã trả	14	(96.909.056.955)	(116.670.566.404)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.424.891.892)	(3.364.186.133)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.665.908.400)	(7.484.500.036)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	376.403.343.100	241.504.415.486
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.076.178.778)	(20.043.364.732)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	198.363.636
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.821.364.689	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	829.087.300	899.609.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.425.726.789)	(18.945.391.815)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	142.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(292.156.000.000)	(184.156.003.999)
3. Cổ tức đã trả	36	(139.428.862.500)	(148.011.907.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(289.584.862.500)	(332.167.911.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	82.392.753.811	(109.608.887.528)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.233.374.014	157.842.270.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(8.725)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	130.626.127.825	48.233.374.014

Nguyễn Thị Kiều Liên
Người lập biểu

Nguyễn Thành Tú Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103002486 ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 7 năm 2014 với mã chứng khoán là SHP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 123 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 122 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sửa chữa thiết bị điện, máy móc thiết bị, các sản phẩm kim loại đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở), đào tạo nghề, bán buôn máy móc, thiết bị điện và phụ tùng máy cơ khí, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 14
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	156.306.969	200.113.974
Tiền gửi ngân hàng	110.469.820.856	45.533.260.040
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	2.500.000.000
	130.626.127.825	48.233.374.014

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm là 4,5% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,5%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán Điện	91.279.978.103	114.552.857.336
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	8.340.017.331	8.757.673.874
	99.619.995.434	123.310.531.210

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hoàng Nhân	667.774.738	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Hà Thành	-	456.073.297
Ban Đền Bù Giải phóng Mặt bằng Huyện Bảo Lâm	330.955.900	330.955.900
Trung tâm thông tin - Đăng ký quyền sử dụng đất Lâm Đồng	140.000.000	140.000.000
Bên thứ ba khác	1.097.771.035	336.574.944
	2.236.501.673	1.263.604.141

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu hộ thuế thu nhập cá nhân	77.727.798	204.724.540
- Tạm ứng cho nhân viên	140.084.125	361.118.925
- Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	2.160.863.623
- Phải thu khác	329.862.200	307.362.200
	547.674.123	3.034.069.288
b. Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ dài hạn	444.394.875	-
	444.394.875	-

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện dự phòng cho các khoản công nợ phải thu từ người dân liên quan đến tiền đền bù các tuyến đường dân sinh của dự án Nhà máy Thủy điện Đa Dâng 2.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	883.306.860	784.879.956
Công cụ, dụng cụ	328.532.500	12.857.365.640
	1.211.839.360	13.642.245.596

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	44.469.219	21.856.061
- Khác	112.650.769	122.921.776
	157.119.988	144.777.837
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	593.093.809	1.296.367.903
- Chi phí sửa chữa lớn (i)	9.314.860.156	-
- Khác	22.701.387	42.877.772
	9.930.655.352	1.339.245.675

(i) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện chi phí sửa chữa lớn nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 đã hoàn thành trong năm và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	2.485.136.224.284	637.579.784.190	4.919.405.058	621.474.838	3.128.256.888.370
Tăng trong năm	368.709.168	1.715.985.000	-	113.517.203	2.198.211.371
Điều chỉnh theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Thủy điện Đambri (i)	(106.393.805.202)	60.489.689.086	-	-	(45.904.116.116)
Tại ngày cuối năm	2.379.111.128.250	699.785.458.276	4.919.405.058	734.992.041	3.084.550.983.625
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	415.904.418.133	264.845.274.762	4.326.872.913	484.283.131	685.560.848.939
Khấu hao trong năm	113.928.452.475	72.925.853.877	231.120.304	61.019.033	187.146.445.689
Tại ngày cuối năm	529.832.870.608	337.771.128.639	4.557.993.217	545.302.164	872.707.294.628
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.069.231.806.151	372.734.509.428	592.532.145	137.191.707	2.442.696.039.431
Tại ngày cuối năm	1.849.278.257.642	362.014.329.637	361.411.841	189.689.877	2.211.843.688.997

(i) Đây là điều chỉnh theo báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy Thủy điện Đambri ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã được kiểm toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.038.231.928.317 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.431.497.651.187 đồng) đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 18).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 4.906.530.981 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.405.432.428 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm và cuối năm	2.719.863.637	319.400.000	3.039.263.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	-	25.186.372	25.186.372
Khấu hao trong năm	-	106.466.664	106.466.664
Tại ngày cuối năm	-	131.653.036	131.653.036
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.719.863.637	294.213.628	3.014.077.265
Tại ngày cuối năm	2.719.863.637	187.746.964	2.907.610.601

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đambri	5.399.033.554	-
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đaisat	1.660.191.708	-
Chi phí khác	261.034.228	17.966.668
	7.320.259.490	17.966.668

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả bên thứ ba				
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Việt Oanh	214.148.000	214.148.000	222.705.809	222.705.809
Công ty TNHH -Thương mại Dịch vụ Đức Tâm	189.517.730	189.517.730	-	-
Andritz Hydro GmbH	-	-	1.716.468.748	1.716.468.748
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	-	-	12.934.212.620	12.934.212.620
Khác	983.774.809	983.774.809	4.107.893.594	4.107.893.594
	1.387.440.539	1.387.440.539	18.981.280.771	18.981.280.771

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	3.559.235.662	61.698.736.797	(61.280.482.591)	3.977.489.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.036.617.528	6.403.953.541	(6.424.891.892)	2.015.679.177
Thuế tài nguyên	3.306.104.298	57.649.774.913	(57.440.161.787)	3.515.717.424
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.986.212.420	14.821.009.932	(14.057.913.560)	4.749.308.792
Thuế thu nhập cá nhân	382.353.468	2.501.973.474	(2.423.103.095)	461.223.847
Thuế khác	112.339.398	-	(112.339.398)	-
	13.382.862.774	143.075.448.657	(141.738.892.323)	14.719.419.108

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện ĐamBri	2.358.000.000	51.925.344.787
Chi phí lãi vay trích trước	5.830.833.334	5.205.950.001
Chi phí khác	190.594.752	104.507.673
	8.379.428.086	57.235.802.461

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	13.638.345.500	12.501.908.000
Phải trả nhân viên Công ty	791.439.200	139.771.956
Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.610.000	7.999.000
	14.476.394.700	12.649.678.956

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Các khoản vay dài hạn sẽ thanh toán trong vòng 1 năm VND	Các khoản vay dài hạn VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm			
- Giá trị	160.156.000.000	1.199.671.000.000	1.359.827.000.000
- Số có khả năng trả nợ	160.156.000.000	1.199.671.000.000	1.359.827.000.000
Trong năm			
- Phân loại	192.156.000.000	(192.156.000.000)	-
- Tăng	-	142.000.000.000	142.000.000.000
- Giảm	(160.156.000.000)	(132.000.000.000)	(292.156.000.000)
Tại ngày cuối năm			
- Giá trị	192.156.000.000	1.017.515.000.000	1.209.671.000.000
- Số có khả năng trả nợ	192.156.000.000	1.017.515.000.000	1.209.671.000.000

Chi tiết các khoản vay:

	Lãi suất %/năm	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	7,5%	791.000.000.000	849.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng (ii)	6,9%	286.671.000.000	352.827.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	8,7%	-	158.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (iii)	7,5%	132.000.000.000	-
		1.209.671.000.000	1.359.827.000.000

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0043/ĐTDA/13CD ngày 20 tháng 11 năm 2013, hạn mức tín dụng là 260 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 138 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên là 11,1%/năm, mục đích để thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc thực hiện đầu tư dự án, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên được 2 bên ký sau ngày kết thúc thời gian ân hạn (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên). Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung 03-0043/ĐTDU/13CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7,5%/năm.

Hợp đồng tín dụng số 0028/ĐTDA/14CD ngày 12 tháng 11 năm 2014, hạn mức tín dụng là 633,7 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 120 tháng, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau do bên cho vay công bố còn hiệu lực tại ngày giải ngân đầu tiên và tại ngày đầu tiên của các kỳ điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,6%/năm, điều chỉnh 3 tháng 1 lần, mục đích để cho vay tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp theo dự án đầu tư thủy điện ĐamBri công suất 75MW, khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Lần trả nợ gốc đầu tiên sẽ được 2 bên ký sau ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay. Mục đích vay dùng để tái cấu trúc tài chính các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02-0028/ĐTDU/14CD ngày 23 tháng 5 năm 2016, lãi suất cho vay là 7,5%/năm và sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng +1%/năm cho năm thứ 2, và 2,5%/năm cho năm thứ 3 trở đi. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7,5%/năm.

(ii) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Lâm Đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2008/HĐTĐĐT-NHPT ngày 17 tháng 4 năm 2008, hạn mức tín dụng là 1.250 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng 13 năm, áp dụng lãi suất vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03C/2014/HĐTĐĐT điều chỉnh thời hạn trả nợ gốc thành 89 tháng từ tháng 12 năm 2014. Lãi suất áp dụng để tính lãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6,9%/năm.

(iii) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HĐTĐ/SHP/201707 ngày 01 tháng 08 năm 2017, hạn mức tín dụng là 142 tỷ đồng, thời hạn hợp đồng là 3 năm, áp dụng lãi suất là 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng toàn bộ tài sản tại Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 tỉnh Lâm Đồng và công trình phụ trợ gắn liền với lô đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH130648, toàn bộ máy móc thiết bị của nhà máy điện Đa Dâng 2.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	192.156.000.000	160.156.000.000
Trong năm thứ hai	238.156.000.000	182.156.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	540.359.000.000	636.468.000.000
Sau năm năm	239.000.000.000	381.047.000.000
	1.209.671.000.000	1.359.827.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(192.156.000.000)	(160.156.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	1.017.515.000.000	1.199.671.000.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	937.102.000.000	-	299.867.545.605	1.236.969.545.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	98.056.435.513	98.056.435.513
Chi cổ tức trong năm	-	-	(149.936.320.000)	(149.936.320.000)
Phân phối quỹ	-	-	(7.811.443.650)	(7.811.443.650)
Số dư đầu năm nay	937.102.000.000	-	240.176.217.468	1.177.278.217.468
Lợi nhuận trong năm	-	-	185.252.699.473	185.252.699.473
Chi cổ tức trong năm	-	-	(140.565.300.000)	(140.565.300.000)
Phân phối quỹ	-	9.805.643.551	(14.708.465.327)	(4.902.821.776)
Số dư cuối năm nay	937.102.000.000	9.805.643.551	270.155.151.614	1.217.062.795.165

Theo Nghị quyết số 26/NQ-CPTĐMN-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017, Đại Hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 và lợi nhuận lũy kế các năm trước như sau:

- Trích lập các Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 9.805.643.551 đồng (tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế) và 4.902.821.776 đồng (tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế);
- Chia cổ tức với tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phần, tương ứng với số tiền 140.565.300.000 đồng.

Công ty đã thông báo thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Số lượng cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200		93.710.200	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200		93.710.200	

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 8 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 937.102.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn cổ phần thực tế của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86	457.843.580.000	48,86
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	100.154.900.000	10,69	99.908.900.000	10,66
Các cổ đông khác	379.103.520.000	40,45	379.349.520.000	40,48
	937.102.000.000	100	937.102.000.000	100

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất truyền tải và phân phối điện. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 21 và số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng thể hiện doanh thu từ bán điện trong năm.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn hàng bán thể hiện giá vốn của điện đã bán trong năm.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật liệu, công cụ	3.459.268.214	4.721.292.742
Chi phí nhân công	42.510.817.676	38.832.823.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	187.252.912.353	180.517.775.791
Chi phí thuế tài nguyên	57.649.774.913	43.330.097.370
Phí dịch vụ môi trường rừng	14.821.009.932	11.156.569.660
Chi phí khác	22.170.689.690	18.027.791.426
	327.864.472.778	296.586.350.420

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	97.533.940.288	115.579.596.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.569.975	90.353.826
	97.535.510.263	115.669.950.782

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	14.741.745.403	13.624.261.078
Chi phí thuê văn phòng	1.970.938.237	1.847.579.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	607.727.090	460.270.754
Khác	8.413.747.229	6.389.408.744
	25.734.157.959	22.321.520.076

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	191.656.653.014	102.150.174.111
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	1.164.607.066	1.367.255.860
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	192.821.260.080	103.517.429.971
<i>Thu nhập tính thuế ở mức ưu đãi thuế suất doanh nghiệp 5%</i>	128.079.070.836	83.242.027.820
<i>Thu nhập được miễn thuế</i>	64.742.189.244	20.275.402.151
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	6.403.953.541	4.162.101.391
Chênh lệch thuế suất giữa nhà máy và trụ sở chính	-	(68.362.793)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.403.953.541	4.093.738.598

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Theo đó, hai nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2010, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2013, từ năm 2014 là năm đầu tiên hai nhà máy được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hai dự án. Riêng nhà máy thủy điện Đambri, bắt đầu hoạt động và có thu nhập từ năm 2014, nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2017.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế	185.252.699.473	98.056.435.513
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	9.262.634.974	4.902.821.776
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	175.990.064.499	93.153.613.737
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	93.710.200	93.710.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.878	994

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2016 được trình bày lại theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm nay được tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Tỷ lệ này được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 26/NQ-CPTĐMN-DHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.970.938.237	1.847.579.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	2.346.001.020	67.893.661
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.421.251.487	-
Sau năm năm	8.851.304.293	8.061.426.723
	14.618.556.800	8.129.320.384

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất tại Tỉnh Lâm Đồng và thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 141/HD-TĐ ngày 24 tháng 8 năm 2011 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 với diện tích 595.921 m² tại xã Tân Thành, huyện Đức Trọng và các xã Tân Hà, Tân Văn, huyện Lâm Hà. Thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2007. Theo Quyết định số 5249/QĐ-CT ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 02 năm 09 tháng và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đa Dâng 2. Thời gian miễn tiền thuê đất từ ngày 16 tháng 4 năm 2007 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 15 tháng 01 năm 2025. Tổng số tiền được miễn là 4.816.953.092 đồng.

- Hợp đồng thuê đất số 137/HD-TĐ ngày 15 tháng 8 năm 2011 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat với diện tích 2.612.029 m² tại huyện Bảo Lâm. Thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2006.

Hợp đồng thuê đất số 13/HD-TĐ ngày 12 tháng 01 năm 2017 cho dự án công trình nhà máy thủy điện Đambri với diện tích 3.036,04 m² tại huyện Đạ Huoai. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2008.

Theo Quyết định số 4536/QĐ-CT ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng, quyết định miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản 3 năm và miễn tiền thuê đất 15 năm sau thời gian xây dựng cơ bản đối với dự án công trình nhà máy thủy điện Đasiat và công trình nhà máy thủy điện Đambri. Thời gian miễn tiền thuê đất là từ ngày 22 tháng 9 năm 2006 (ngày ký Quyết định cho thuê đất) đến hết ngày 21 tháng 9 năm 2024. Tổng số tiền được miễn là 7.108.898.126 đồng.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 425 m², đáo hạn vào ngày 15 tháng 6 năm 2020.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	1.209.671.000.000	1.359.827.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	130.626.127.825	48.233.374.014
Nợ thuần	1.079.044.872.175	1.311.593.625.986
Vốn chủ sở hữu	1.217.062.795.165	1.177.278.217.468
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,89	1,11

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.626.127.825	48.233.374.014
Phải thu khách hàng và phải thu khác	100.164.618.107	125.676.119.373
Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn	-	3.821.364.689
	230.790.745.932	177.730.858.076

Công nợ tài chính

Các khoản vay	1.209.671.000.000	1.359.827.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	15.072.396.039	31.491.187.771
Chi phí phải trả	8.379.428.086	57.235.802.461
	1.233.122.824.125	1.448.553.990.232

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 10.776.710.000 đồng (năm 2016: 11.996.710.000 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty chỉ bán điện cho Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung, là các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty cũng thực hiện quản lý công nợ chặt chẽ bằng các biện pháp phù hợp như đối chiếu công nợ thường xuyên, đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu một cách thận trọng và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty (xem chính sách trích lập dự phòng tại Thuyết minh số 3).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.626.127.825	-	-	130.626.127.825
Phải thu khách hàng và phải thu khác	99.720.223.232	444.394.875	-	100.164.618.107
	230.346.351.057	444.394.875	-	230.790.745.932
Các khoản vay	192.156.000.000	778.515.000.000	239.000.000.000	1.209.671.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	15.072.396.039	-	-	15.072.396.039
Chi phí phải trả	8.379.428.086	-	-	8.379.428.086
	215.607.824.125	778.515.000.000	239.000.000.000	1.233.122.824.125
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.738.526.932	(778.070.605.125)	(239.000.000.000)	(1.002.332.078.193)
31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.233.374.014	-	-	48.233.374.014
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.676.119.373	-	-	125.676.119.373
Đầu tư nắm giữ đến ngày đến hạn	3.821.364.689	-	-	3.821.364.689
	177.730.858.076	-	-	177.730.858.076
Các khoản vay	160.156.000.000	818.624.000.000	381.047.000.000	1.359.827.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	31.491.187.771	-	-	31.491.187.771
Chi phí phải trả	57.235.802.461	-	-	57.235.802.461
	248.882.990.232	818.624.000.000	381.047.000.000	1.448.553.990.232
Chênh lệch thanh khoản thuần	(71.152.132.156)	(818.624.000.000)	(381.047.000.000)	(1.270.823.132.156)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	Cổ đông lớn
Công ty Mua Bán Điện	Công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty thuộc Tập đoàn EVN, công ty mẹ của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua Bán Điện	534.483.286.093	444.772.105.854
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	82.453.938.281	68.194.578.254
	616.937.224.374	512.966.684.108

Cổ tức đã trả

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	68.676.537.000	73.254.972.800
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	15.023.235.000	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và thù lao	4.157.743.083	5.473.685.662

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phải thu thương mại		
Công ty Mua Bán Điện	91.279.978.103	114.552.857.336
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	8.340.017.331	8.757.673.874
	99.619.995.434	123.310.531.210

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm 5.830.833.334 đồng (2016: 5.205.950.001 đồng), là số tiền chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 13.638.345.500 đồng (2016: 12.501.908.000 đồng), là số tiền cổ tức phải trả phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.


 Nguyễn Thị Kiều Liên
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Tú Anh
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Văn Thịnh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2018
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN VĂN THỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN MIỀN NAM

Số điện thoại: (028) 3820 7795

Website: www.shp.vn